**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**MỤC TIÊU CHUNG BÀI 4**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ để, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

|  |
| --- |
| **BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG**  **-** Ôn tập văn bản: Lễ xướng danh khoa đinh dậu  - Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt  - Ôn tập văn bản Lai tân  - Thực hành tiếng Việt: Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.  - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Thơ trào phúng)  - Nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)  - Thực hành đọc hiểu: Vịnh cây vông |

**BÀI 4: ÔN TẬP VĂN BẢN LỄ XƯỚNG DANH KHOA**

**ĐINH DẬU**

*(Trần Tế Xương)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục niêm, luật, vẫn, nhịp đối

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức phê phân cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**B. NỘI DUNG**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Thơ trào phúng**

**- Về nội dung:** thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con ngườitới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp

**- Về nghệ thuật:** thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,...tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng, lúc đả kích mạnh mẽ sâu cay.

**1. TÁC GIẢ TÁC PHẨM**

**a. Tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| - Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương  - Quê quán: làng Vị Xuyên - huyện Mĩ Lộc - tỉnh Nam Định (nay thuộc phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định).  - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân  - Thơ của ông đậm chất trữ tình và trào phúng, phản ánh |  |

**b. Tác phẩm**

- Một số tác phẩm như:*Vịnh khoa thi Hương, Giễu người thi đỗ, Ông cò, Phường nhơ, Thương vợ, Văn tế sống vợ...*

- “Vịnh khoa thi Hương” còn có tên gọi khác “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu”, được sáng tác năm 1897.

**+ Bố cục**

- Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi

- Hai câu thực: Cảnh tượng khi đi thi

- Hai câu luận: Những ông to bà lớn đến trường thi

- Hai câu kết: Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi

**II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Hai câu đề**

- Nói về sự kiện: Theo lệ thường thời phong kiến cứ ba năm có một khoa thi Hương => sự kiện tưởng như không có gì đặc biệt, chỉ có tính chất như một thông báo một thông tin bình thường.

- Sử dụng từ “lẫn”: Thể hiện sự ô hợp, hỗn tạp của kì thi này. Đây chính là điều bất thường của kì thi.

→ Hai câu đề với kiểu câu tự sự có tính chất kể lại kì thi với tất cả sự ô hợp, hỗn tạp, thiếu nghiêm túc trong buổi giao thời.

**2. Hai câu thực**

- Hình ảnh:

+ Sĩ tử: lôi thôi, vai đeo lọ → dáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác.

+ Quan trường: ậm ọe, miệng thét loa → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ.

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: ậm ọe, lôi thôi.

+ Đối: lôi thôi sĩ tử >< ậm ọe quan trường.

+ Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp “lôi thôi sĩ tử”, “ậm ọe quan trường”.

→ Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trong của nhà nước.

→ Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho.

**3. Hai câu luận**

- Hình ảnh:

+ Quan sứ: Viên quan người Pháp đứng đầu bộ máy cái trị của tỉnh Nam Định được tiếp đón trọng thể.

+ Mụ đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.

- Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi.

+ Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mụ đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân.

- Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

**4. Hai câu kết**

- Tâm trạng thái độ của tác giả trước cảnh tượng trường thi: Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông.

- Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật đối, đảo ngữ

- Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm

**2. Nội dung**

Bài thơ ghi lại cảnh “nhập trường” vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.

**IV. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đề Đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *"Có đất nào như đất ấy không?*  *Phố phường tiếp giáp với bờ sông.*  *Nhà kia lỗi phép con khinh bố,*  *Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*  *Keo cú người đâu như cứt sắt,*  *Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng.*  *Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,*  *Có đất nào như đất ấy không?"*  *(Đất Vị Hoàng - Trần Tế Xương)*  **Câu 1**. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của văn bản.  **Câu 2**. Tìm các tính từ dùng để miêu tả những thói xấu của con người bài thơ  **Câu 3**. Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản  **Câu 4**. Em hiểu như thế nào về hai câu kết của tác phẩm?  **Câu 5**. Viết đoạn văn 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh chị về một trong những thói xấu đã được nhà thơ chỉ ra qua tác phẩm của mình? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Thể thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

**Câu 2**. Tính từ: chanh chua, keo cú, tham lam…

**Câu 3**. Biện pháp tu từ được sử dụng là câu hỏi tu từ

Tác dụng: Vừa gợi sự tò mò, vừa tạo ấn tượng về một vùng đất lạ lùng, khác biệt.

**Câu 4**.  Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ, hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn… Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.

Câu 5. Viết đoạn học sinh tự viết theo nội dung hình thức của đoạn văn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Lác đác rừng phong hạt móc sa,* *Ngàn non hiu hắt, khí thu lòa.* *Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,* *Mặt đất mây đùn cửa ải xa.* *Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,* *Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.* *Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,* *Thành Bạch, chày vang bóng ác tà.*  *(Cảm xúc mùa thu - Đỗ Phủ- NXBGD 2006)*  **Câu 1**. Nêu chủ đề của văn bản trên?  **Câu 2**. Xác định phép liệt kê trong 6 dòng thơ đầu? Hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê đó là gì?  **Câu 3**. Chữ lệ ở câu thơ Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ được hiểu như thế nào? Nêu hiệu quả nghệ thuật của từ này.  **Câu 4**. Nhận xét về mối quan hệ giữa cảnh thu và tình thu ở 4 câu thơ sau của bài thơ “Thu hứng". |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Văn bản trên có chủ đề: Thu hứng là bức tranh mùa thu hiu hắt và cũng là tâm trạng buồn lo của nhà thơ Đỗ Phủ. Nỗi lo ấy bắt nguồn từ nỗi buồn của tác giả khi ông chứng kiến cảnh đất nước kiệt quệ vì sự tàn phá của chiến tranh. Bài thơ cũng là nỗi lòng của kẻ xa quê, là nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận của kẻ tha hương lưu lạc.

**Câu 2**. Phép liệt kê trong 6 dòng thơ đầu: rừng phong – núi Vu, kẽm Vu- sóng rợn- mây đùn cửa ải- khóm cúc - con thuyền.

- Hiệu quả nghệ thuật: Qua phép liệt kê, cảnh thiên nhiên được nhìn trong tầm bao quát rộng và xa, rồi bị thu hẹp lại và cuối cùng chìm vào tâm hồn nhà thơ. Cảnh mùa thu với những yếu tố gợi buồn khiến lòng người cũng buồn như cảnh. Điều đó cũng phù hợp với sự vận động của tứ thơ: từ cảnh đến tình.

**Câu 3**. Chữ lệ ở câu thơ Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ được hiểu: có thể là lệ của người, cũng có thể là lệ của hoa cúc.

- Hiệu quả nghệ thuật: Mỗi lần nhìn hoa cúc nở, nhà thơ lại chạnh nhớ quê hương. Những giọt nước mắt theo đó cũng tự nhiên rơi không sao ngăn lại được.

**Câu 4**. Cảnh thu ở 4 câu sau thấm đượm tình thu, khắc sâu ấn tượng về sự cô đơn, lẻ loi, u uất của kẻ tha hương nặng lòng với quê hương và lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.

**2. Dạng đề cấu trúc mới**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Nhà nước ba năm mở một khoa,*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*

*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*

*Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*

*Lọng cắm rợp trời, quan sứ đến,*

*Váy lê quét đất, mụ đầm ra.*

*Nhân tài đất Bắc nào ai đó?*

*Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà!*

*(Trích Lễ xướng danh khoa đinh dậu - Trần Tế Xương)*

**Câu 1:** Bài thơ Nôm - Đường luật “Vịnh khoa thi Hương” được viết bằng thể thơ nào sau đây?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt** B. Thất ngôn bát cú

C. Thất ngôn trường thiên D. Ngũ ngôn bát cú.

**Câu 2:** Kỳ thi Hương - Khoa Đinh Dậu (1897) được Trần Tế Xương viết trong bài “Vịnh khoa thi Hương” diễn ra ở đâu?

A. Hà Nội B. Nam K ì **C. Nam Định** D. Hà Tây

**Câu 3:** Cảnh trường thi như thế nào qua hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ; Ậm oẹ quan trường miệng thét loa”?

**A. Thật bát nháo, kì quặc và ô hợp.**  B. Thật tưng bừng sinh động.

C Thật căng thẳng và hồi hộp. D. Thật quy mô và nghiêm túc.

**Câu 4:** Thái độ và tâm trạng của tác giả thể hiện như thế nào trước cảnh trường thi trong bài “Vịnh khoa thi Hương”.

A. Vui mừng và tự hào B. Chán ngán, xót xa, đau đớn.

C. Tiếc nuối, bâng khuâng **D. Phẫn uất, ngậm ngùi**

**Câu 5:** Giá trị châm biếm của bài thơ bộc lộc rõ nét nhất qua hai câu thơ nào?

A. Nhà nước ba năm mở một khoa/ Trường Nam thi lẫn với trường Hà.

B. Lôi thôi sĩ tử vai đeo Lọ/ Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.

**C. Lọng cắm rợp trời quan sứ đến/ Váy lê quét đất mụ đầm ra.**

D. Nhân tài đất Bắc nào ai đó/ Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

**Câu 6:** Trần Tế Xương viết bài "Vịnh khoa thi Hương" với dụng ý gì?

A. Tác giả vẽ nên một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước.

B. Bài thơ ghi lại cảnh “nhập trường” vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.

C. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kì thi năm Đinh Dậu

**D. Đáp án A và B**

**Câu 7:** Giá trị tư tưởng thể hiện ở hai câu cuối “Nhân tài đất Bắc nào ai đó, Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà” trong bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” là gì?

**A. Tư tưởng yêu nước** B. Tư tưởng thân dân

C. Tư tưởng dân chủ D. Tư tưởng yếm thế

**Câu 8:** Trần Tế Xương viết bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” với dụng ý gì?

A. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kỳ thi này khoa Đinh Dậu (1897).

B. Ca ngợi tính ưu việt trong cách chọn nhân tài của triều đình nhà Nguyễn.

**C. Vẽ nên một bức tranh bát nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời bộc lộ tâm trạng của mình trước hiện thực đảo điên.**

D. Cảm thương cho buổi “chợ chiều” của nền Nho học Việt Nam

**Câu 9**. Nêu suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của Tế Xương trong 2 câu thơ cuối?

**Câu 10.** Trong bài thơ trên Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | C | A | D | C | D | A | C |   **Câu 9. (1 điểm)**  - Trước thực tại đất nước oái oăm nhục nhã, Tú Xương đã bật ra tiếng kêu than. Đất Bắc ở đây là chỉ Hà Nội – mảnh đất hội tụ nhân tài nước nhà. Câu thơ là tiếng kêu đầy đau đớn của Tú Xương với chính bản thân mình hay là một lời kêu gọi đến những ai còn nghĩ tới sự vinh nhục của đất nước. Âm điệu câu thơ thể hiện sự xót xa, xốn xang của nhà thơ. Nhân tài ở đây không ai khác chính là những người trí thức của thời đại.  **Câu 10. (1 điểm)**  Nhân vật em ấn tướng nhiều nhất là những người sĩ tử. Vì tác giả đã vẽ lên trước mắt người đọc hình ảnh người thí sinh lôi thôi với những chai lọ trên vai thật là xốc xếch trong khi đáng ra họ phải là những thư sinh nho nhã, thanh lịch. |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Công danh đã được hợp về nhàn,  
Lành dữ âu chi thế ngợi khen.  
Ao cạn vớt bèo cấy muống,  
Trì thanh phát cỏ ương sen.  
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,  
Thuyền chở yên hà nặng vạy then.  
Bui có một lòng trung liễn hiếu,  
Mài chăng khuyết, nhuộm chăng đen.  
(Thuật hứng bài 24 - Nguyễn Trãi)*

**Câu 1.** Thể thơ của bài *Thuật hứng* được viết theo thể thơ nào?  
A. Thất ngôn tứ tuyệt **B. Thất ngôn bát cú Đường luật**

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt D. Thơ 7 chữ  
**Câu 2.** Phép đối được sử dụng trong những câu thơ nào?  
A. Hai câu đề **B. Hai câu thực, hai câu luận**C. Hai câu kết D. Hai câu luận và hai câu kết.  
**Câu 3.** Câu thơ thứ nhất hiểu là:  
**A. Công thành, danh toại, hoàn cảnh hiện tại của Nguyễn Trãi thích hợp với việc về nhàn.**  
B. Với Nguyễn Trãi, công danh không còn nữa thì lựa chọn tốt nhất là lui về nhàn.  
C. Nguyễn Trãi vẫn khao khát lập công danh nhưng thời thế thay đổi buộc phải về nhàn.  
D. Công danh không thể vui bằng thú nhàn, Nguyễn Trãi chọn thú nhàn.  
**Câu 4.** Suy nghĩ "Về nhàn rồi thì việc tốt xấu đến cũng không sợ người đời khen hay chê nữa" được thể hiện trong câu thơ nào?  
A. *Công danh đã được hợp về nhàn,*  
**B. *Lành dữ âu chi thế ngợi khen.***C. *Bui có một lòng trung liễn hiếu,*  
D. *Mài chăng khuyết, nhuộm chăng đen.*  
**Câu 5.** Nội dung biểu đạt của hai câu thực và hai câu luận:  
A. Nói về cuộc sống lao động vất vả nhưng giàu có, đầy đủ vật chất của Nguyễn Trãi khi về nhàn.  
B. Nói về những công việc lao động nhàm chán và ước mơ của Nguyễn Trãi về một cuộc sống phóng túng ngoài kia.

**C. Nói về cuộc sống lao động bình dị và khẳng định cuộc sống tinh thần phong phú của Nguyễn Trãi khi về nhàn.**D. Nói về cuộc sống lao động thiếu thốn trong hiện tại đối lập với cảnh giàu sang, phú quý ngày còn làm quan.  
**Câu 6.** *Dường như tác giả đã thu nhận tất cả vẻ đẹp thiên nhiên vào làm thành tải sản riêng của mình, đúng như mơ ước "Túi thơ chứa hết mọi giang san"* -Nhận xét này phù hợp với nội dung những câu thơ nào?  
**A. Hai câu luận** B. Hai câu đề B. Hai câu thực D. Hai câu kết.  
**Câu 7.** Nội dung biểu đạt của hai câu thơ cuối là:  
A. Thể hiện lòng trung thành của Nguyễn Trãi đối với vua;  
B. Thể hiện lòng hiếu thảo của Nguyễn Trãi với cha mẹ;  
**C. Thể hiện lòng trung với nước, hiếu với dân không một tác động khách quan nào có thể thay đổi.**D. Thể hiện tấm lòng phục tùng vua cha không điều kiện bất kể đúng sai của Nguyễn Trãi.  
**Câu 8.** Em hãy khái quát ngắn gọn nội dung bài thơ trên.

A. Bài thơ thể hiện sự lựa chọn của Nguyễn Trãi về cuộc sống nhàn, vui thú với thiên nhiên, với công việc đồng ruộng…

B. Tận hưởng cuộc sống tự nhiên dân dã, rời xa chốn quan trường nhiễu nhương, sát phạt…

C. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn thanh cao, bình dị của Nguyễn Trãi.

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng.  
Câu 9.** Em hãy chỉ ra những yếu tố của văn học dân gian trong bài thơ trên.  
**Câu 10.** Em hãy viết đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | B | A | B | C | A | C | D |   **Câu 9. (1 điểm)**  Những yếu tố của văn học dân gian trong bài thơ trên: - Viết về thú sống nhàn, gần gũi với thú vui của người xưa trong ca dao. - Tâm thế an nhàn, ung dung, tự tại của Nguyễn Trãi có nét tương đồng với tâm thế của người bình dân trong ca dao, dân ca. - Sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ dân gian tự nhiên, bình dị: Ao cạn, bèo, rau muống, trì thanh… Có thể nói, trong bài thơ, những khuôn thước cứng nhắc, những yếu tố tượng trưng, ước lệ của thơ trung đại đã được thay thế bằng những chất liệu gần gũi, ngôn ngữ dân tộc được sử dụng tinh tế, gợi cảm.  **Câu 10. (1 điểm)**  (học sinh tự cảm nhận) |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,  
Nuôi đủ năm con với một chồng.  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.  
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,  
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.  
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:  
Có chồng hờ hững cũng như không!*

*(Trích Thương vợ - Trần Tế Xương)*

**Câu 1:** Bài thơ Thương vợ được làm theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt                                 B. Ngũ ngôn tứ tuyệt

**C. Thất ngôn bát cú**                                    D. Thất ngôn

**Câu 2:** Tú Xương gửi gắm tâm sự gì qua hai câu luận "Một duyên hai nợ âu đành phận/ Năm nắng mười mưa dám quản công" trong bài Thương vợ?

**A. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.**

B. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình.

C. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.

D. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu chung thủy của bà Tú.

**Câu 3:** Trần Tế Xương viết bài thơ “Thương vợ”, vì mục đích gì?

A. Chế giễu mình.

B. Tỏ sự đau khổ, bất lực trước đời sống khó khăn của gia đình.

C. Thể hiện sự yêu thương, quý trọng, cảm thông, chia sẻ của ông đối với vợ, đồng thời bộc lộ tâm sự của mình.

**D. Nói lên sự vô tích sự của mình và đề cao người vợ “chịu thương chịu khó”.**

**Câu 4:** Dòng nào không phải là nét đặc sắc nghệ thuật của hai câu luận trong bài Thương vợ của Tú Xương?

A. Sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm. B. Vận dụng thành ngữ dân gian.

C. Dùng điển tích, điển cố. **D. Sử dụng phép đối.**

**Câu 5:** Điểm khác biệt giữa Trần Tế Xương với các nhà thơ khác thời phong kiến là gì?

A. Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn có văn tế, phú và câu đối.

**B. Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài về người vợ đang sống của mình, bao gồm thơ, văn tế, câu đối.**

C.Trần Tế Xương sử dụng nhiều thể thơ khác nhau như thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát.

D. Trần Tế Xương sáng tác không chỉ để thể hiện tình cảm của mình với dân, với nước, với đời mà còn vì tấm lòng trân trọng với những giá trị của cuộc sống.

**Câu 6:** Trong câu thơ thứ hai trong bài Thương vợ của Tú Xương, tác giả đã tự họa mình là con người:

A. Hèn nhát và ích kỉ. B. Chăm chỉ và chịu khó làm ăn.

**C. Tầm thường và vô tích sự**. D. Biết chia sẻ và giúp đỡ vợ con.

**Câu 7:** Hai câu sau sử dụng những biện pháp tu từ nào?

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông*

**A. Đảo ngữ, đối xứng, ẩn dụ.** B. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ.

C. Nhân hóa, đảo ngữ, hoán dụ. D. Đối xứng, nhân hóa, ẩn dụ.

**Câu 8:** Tình cảm thật của Tú Xương dành cho bà Tú gửi gắm đằng sau câu chữ của câu kết là:

A. Tình yêu tha thiết đối với vợ của nhà thơ.

B. Sự cảm phục đối với vợ của nhà thơ.

**C. Tình thương sâu nặng đối với vợ của nhà thơ.**

D. Sự kính trọng đối với vợ của nhà thơ.

**Câu 9:** [Qua bài thơ “Thương vợ”, em có nhận xét gì về tâm sự và vẻ đẹp nhân cách của Tú Xương?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/qua-bai-tho-thuong-vo-em-co-nhan-xet-gi-ve-tam-su-va-ve-dep-nhan-cach-cua-tu-xuong.jsp)

**Câu 10**. [Hình ảnh “con cò” trong bài thơ “Thương vợ” có ý nghĩa gì?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/hinh-anh-con-co-trong-bai-tho-thuong-vo-co-y-nghia-gi.jsp)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | D | A | D | B | C | A | C |   **Câu 9. (1 điểm)**  Tú Xương là người yêu thương, quý trọng vợ điều đó thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả và gian truân của vợ. Ông tự cho mình là gánh nợ của vợ, cảm thấy hổ thẹn đối với vợ vì đã để bà phải chịu nhiều vất vả. Qua đó thấy được Tú Xương là người có nhân cách vô cùng cao đẹp.  **Câu 10. (1 điểm)**  Hình ảnh “con cò” gợi dáng hình gầy guộc cũng như thân phận tội nghiệp của bà Tú nói riêng và gợi lên phẩm chất chăm chỉ, giàu đức hi sinh của người phụ nữ Việt Nam nói chung. |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

*(Trích Thu điếu - Nguyễn Khuyến)*

**Câu 1:** Bài thơ Thu điếu được làm theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt                                B. Ngũ ngôn tứ tuyệt

**C. Thất ngôn bát cú**                                     D. Thất ngôn

**Câu 2:** Màu sắc chủ đạo trong bức tranh mùa thu của Nguyễn Khuyến là:

**A. Màu xanh ngắt** B. Màu vàng úa

C. Mùa trắng toát D. Mùa đỏ

**Câu 3:** Cái gì không được miêu tả trong sáu câu thơ đầu bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?

A. Bầu trời. B. Tầng mây.

C. Mặt nước ao. **D. Âm thanh.**

**Câu 4:** Thời đại Nguyễn Khuyến sống có đặc điểm:

A. Khủng hoảng lớn về kinh tế.

**B. Khủng hoảng toàn diện về tư tưởng và văn hóa.**

C. Văn học nghệ thuật hầu như không phát triển.

D. Có nhiều thành tựu lớn về khoa học kĩ thuật.

**Câu 5:**  Điểm nhìn trong bài “Thu điếu” rất đặc sắc, được thể hiện:

A. Cảnh thu được đón nhận từ cao xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.

B. Cảnh thu được đón nhận không theo một trật tự nào.

**C. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa và rồi từ cao, xa trở lại gần.**

D. Cảnh thu được ngắm theo trình tự thời gian.

**Câu 6:** Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài “Thu điếu” là vùng quê nào?

A. Đồng bằng Trung Bộ C. Đồng bằng sông Cửu Long

**B. Đồng bằng Bắc Bộ**  D. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

**Câu 7:** Ý nào không có trong chủ đề của bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?

**A. Những trăn trở của tác giả trong một lần đi câu cá.**

B. Nỗi niềm u hoài của nhân vật trữ tình - tác giả.

C. Tâm hồn thanh cao của tác giả.

D. Vẻ đẹp u tĩnh của cảnh vật mùa thu.

**Câu 8:** Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ là

A. Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.

B. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại

C. Bài thơ cũng cho tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến: Ông bỏ lại lối sống mưu cầu danh lợi để trở về quê sống thanh nhàn, ẩn dật

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 9**. [Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/qua-bai-tho-cau-ca-mua-thu-em-co-cam-nhan-nhu-the-nao-ve-tam-long-cua-tac-gia.jsp)

**Câu 10.** Em có nhận xét gì về không gian trong bài thơ “Câu cá mùa thu”? Miêu tả không gian như vậy góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào của tác giả?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | A | D | B | C | B | A | D |   **Câu 9. (1 điểm)**  Qua bài thơ ta thấy Nguyễn Khuyến là người vô cùng yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, một con người yêu nước thầm kín- tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc.  **Câu 10. (1 điểm)**  Không gian trong bài thơ ngày càng thu hẹp lại, cái tĩnh mịch, vắng vẻ càng bao trùm. Mây thu, trời thu, ngõ trúc đều mang nét đặc trưng riêng: thanh sơ, dịu nhẹ, yên tĩnh.  Không gian đó phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của tác giả. |

**ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Am trúc hiên mai(1) ngày tháng qua.  
Thị phi(2) nào đến cõi yên hà(3).  
Cơm ăn dầu có dưa muối;  
Áo mặc nài chi gấm là(4).*

*Nước dưỡng(5) cho thanh, trì(6) thưởng nguyệt;  
Ðất cày ngõ ải, lảnh ương hoa.  
Trong khi hứng động(7) vừa đêm tuyết,  
Ngâm được câu thần dặng dặng(8) ca.*

*(Viện Sử học, Nguyễn Trãi toàn tập, Sđd, tr.396)*

Chú giải:

(\*) *Ngôn chí:* chùm thơ gồm 21 bài trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

(1) *Hiên mai:* chỉ nơi ở yên tĩnh của người ẩn dật.

**(**2**)** *Thị phi:* điều phải và điều trái, ý nói dư luận của người đời.

(3)*Yên hà*: chỉkhói và ráng chiều, ở đây để chỉ chốn thiên nhiên thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ.

**(**4) *Là*: một loại vải the mỏng

(5) *Dưỡng*: nuôi dưỡng, giữ gìn

(6) *Trì*: ao

(7) *Hứng động*: cảm hứng, thi hứng được khơi dậy.

(8) *Dặng dặng*: cất tiếng mà ngâm, ca.

**Câu 1**. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng nhất về bài thơ *Ngôn chí* (bài 3) của Nguyễn Trãi?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán

B. Đây là bài thơ thất ngôn Đường luật

C. Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Nôm.

**D. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Nôm xen câu lục ngôn.**

**Câu 2**. Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Miêu tả B. Tự sự **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

**Câu 3**. Ý nào nói đúng nhất về nơi ở của nhân vật trữ tình được nói đến ở hai câu đầu?

A. Nơi yên tĩnh, không một bóng người

B. Gắn bó với khung cảnh thiên nhiên

C. Nơi đô hội phồn hoa, nhiều thú vui

**D. Nơi yên tĩnh, gắn bó với thiên nhiên, cách xa cuộc sống xô bồ.**

**Câu 4.** Từ nào **không phải** từ Hán Việt trong các từ sau?

**A. Đất cày**  B. Thị phi C. Yên hà D. Hứng đông

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói về đặc điểm của hình ảnh thơ trong bài?

A. Hình ảnh thiên nhiên bình dị, gần gũi, quen thuộc

B. Hình ảnh thơ gợi khung cảnh chốn thôn quê, yên tĩnh

**C. Hình ảnh ước lệ, trang trọng, gắn với cuộc sống chốn ẩn dật**

D. Hình ảnh gắn với cuộc sống ẩn dật của nhân vật trữ tình.

**Câu 6**. Phát biểu nào đúng nhất về quan niệm sống được Nguyễn Trãi thể hiện trong hai câu thơ 3 và 4?

A. Đề cao cuộc sống ẩn dật, lánh đời, giữ khí tiết.

**B. Đề cao cuộc sống giản dị, đơn sơ, không cầu cuộc sống xa hoa.**

C. Mong muốn cuộc sống giàu có, xa hoa trong gấm lụa.

D. Mong muốn được sống gắn bó với thiên nhiên

**Câu 7.** Dòng nào **không đúng** khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ*Ngôn chí* (bài 3) của Nguyễn Trãi?

A. Sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê.

B. Sử dụng hai câu lục ngôn tạo điểm nhấn cho bài thơ.

**C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.**

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm.

**Câu 8.** Cho biết nội dung của bôn câu thơ cuối?

A. Thú vui thanh cao, tao nhã của nhà thơ: thưởng nguyệt (ngắm trăng), ương hoa (trồng hoa), ngâm thơ.

B. Miêu tả những khoảnh khắc đẹp đẽ, quý giá trong cuộc sống thường ngày của nhà thơ khi giao hoà với thiên nhiên, khi thi hứng được khơi nguồn.

C. Qua đó, ta thấy cuộc sống của nhà thơ hiện lên giản dị, đơn sơ về vật chất mà phong phú, giàu có về tinh thần.

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

**Câu 9**. Chỉ ra vị trí và giá trị của những câu lục ngôn trong bài thơ.

**Câu 10.** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của thiên nhiên đối với con người.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | D | C | D | A | C | B | C | D |   **Câu 9. (1 điểm)**  - HS chỉ ra vị trí các câu lục ngôn:  Cặp câu 3 - 4:  *Cơm ăn dầu có dưa muối; Áo mặc nài chi gấm là*  - Giá trị các câu lục ngôn:  + Nhấn mạnh cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, giản dị mà thanh cao của nhà thơ.  + Góp phần tạo nhịp điệu cho bài thơ.  **Câu 10. (1 điểm)**  Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:  \***Hình thức**: Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng (5 – 7 dòng)  \***Nội dung:** Ý nghĩa của thiên nhiên đối với con người:  - Thiên nhiên cung cấp cho con người các nguồn tài nguyên phục vụ cho cuộc sống và hoạt động sản xuất.  - Giúp ta nuôi dưỡng đời sống tinh thần thêm phong phú, xua tan đi những mệt mỏi sau những giờ học tập, làm việc.  - Đem lại niềm vui cho con người. |

**ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Tạo hóa gây chi cuộc hí trường(1)  
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương(2)  
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo(3),*

*Nền cũ lâu đài bóng tịch dương(4),  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt(5),  
Nước còn cau mặt với tang thương(6)  
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.  
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường(7)*

*(Nguồn: Nguyễn Tường Phượng, Phan Văn Sách, Bùi Hữu Sủng, Việt văn diễn giảng hậu bán thế kỷ thứ XIX, Trường Nguyễn Khuyến xuất bản, Hà Nội, 1953)*

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào?   
A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  
B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật  
C. Thể thơ song thất lục bát  
D. Thể thơ tự do

**Câu 2.** Những câu thơ nào gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa?

A. Hai câu đề B. Hai câu thực

C. Hai câu luận D. Hai câu kết

**Câu 3.** Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào?

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,  
Nước còn cau mặt với tang thương*

A. Đối và ẩn dụ C. Nhân hoá và đối

B. Điệp và nhân hoá D. Đối và so sánh

**Câu 4**. Ý nào **không** đúng về đặc điểm gieo vần của bài thơ *Thăng Long thành hoài cổ*?  
A. Gieo vần chân “ương”  
B. Vần bằng  
B. Vần "ương" được gieo ở tiếng thứ 7 của các câu 1, 2, 4, 6, 8  
D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt

**Câu 5.**Từ nào **không phải** từ Hán Việt trong các từ sau?

A. Trơ gan B. Tuế nguyệt C. Hí trường D. Kim cổ

**Câu 6.** Nội dung hai câu luận là?

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,  
 Nước còn cau mặt với tang thương*

A. Sự vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ trước thời gian

B. Cảnh vật mang tình người và hồn người

C. Thiên nhiên biến đổi theo vòng quay của tạo hoá, vũ trụ

D. Nỗi niềm hoài cổ, tự hào về kinh thành xưa.

**Câu 7.** Dòng nào **không đúng** khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ*Thăng Long thành hoài cổ?*

A. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

B. Sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê.

C. Hình ảnh ước lệ nhưng gợi cảm.

D. Phép đối chặt chẽ, bút pháp tả cảnh ngụ tình.

**Câu 8.** Nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan sử dụng trong bài thơ.

A. Ngôn ngữ thơ của bà huyện Thanh Quan là ngôn ngữ trang trọng, cổ điển.

B. Sử dụng nhiều từ ngữ Hán Việt.

C. Cả A, B đều đúng

D. Cả A, B đều sai.  
**Câu 9.**Nêu cảm nhận về tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ.  
**Câu 10.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dóng) nêu suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị trong quá khứ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | B | C | D | A | A | B | C |   **Câu 9. (1 điểm)**  Tâm trạng của tác giả trong bài thơ: Bài thơ thể hiện nỗi niềm hoài cổ của thi sĩ về kinh thành Thăng Long xưa. Những triều đại vàng son, huy hoàng, tráng lệ ngày trước nay chỉ còn là cảnh hoang phế, điêu tàn, vắng lặng. Đứng trước cảnh đó, lòng người chất chứa biết bao cảm giác xót xa, ngậm ngùi, nhớ tiếc.  **Câu 10. (1 điểm)**  Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;   -  **Nội dung:** suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị trong quá khứ: + Những giá trị của quá khứ sẽ là nền tảng cho hiện tại và tương lai ( là bài học kinh nghiệm vô giá...)  + Giúp con người biết hướng về cội nguồn, hình thành lối sống ân nghĩa. + Trân trọng những giá trị của quá khứ sẽ hình thành cho con người những phẩm chất cao đẹp, hoàn thành nhân cách, tâm hồn. |

**ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,*

*Năm nay chợ họp có đông không?*

*Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.*

*Nếm rượu, tường đền được mấy ông?*

*Hàng quán người về nghe xáo xác,*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*

*Dăm ba ngày nữa tin xuân tới.*

*Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.*

*(Thi hào Nguyễn Khuyến: đời và thơ, Nguyễn Huệ Chi chủ biên, NXB Giáo dục, 1994)*

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Song thất lục bát D. Tự do

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là gì?

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 3.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối.

**Câu 4.** Ba từ láy được tác giả sử dụng trong bài thơ?

A. Năm nay, chợ họp, mưa bụi. B. Nếm rượu, hàng quán, xáo xác.

C. Xáo xác, nợ nần, lung tung. D. Năm nay, nợ nần, lung tung.

**Câu 5.** Đặc điểm ngôn ngữ trong bài thơ là:

A. Trau chuốt B. Thuần Nôm.

C. Trang trọng D. Bình dị, thuần Nôm.

**Câu 6.** Giọng điệu của bài thơ là:

A. Tự hào. B. Vui tươi.

C. Phấn khởi. D. Trầm lặng, đượm một nỗi buồn man mác.

**Câu 7.** Cuộc sống sinh hoạt của người dân lao động được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

A. Đầy đủ, sung túc. B. Nhộn nhịp, náo nhiệt.

C. Sung túc, nhộn nhịp. D. Nghèo túng, cơ hàn, cực nhọc.

**Câu 8.** Khung cảnh chợ Đồng được tái hiện như thế nào trong bài thơ?

A. Không khí buồn tẻ. B. Thưa thớt vắng vẻ,

C. Buồn trong mưa rét. D. Cả ba đáp án trên

**Câu 9.** Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu sau:

*Hàng quán người về nghe xao xác*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*  
**Câu 10**. Nhận xét về tâm trạng, cảm xúc của Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng được 0.5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | B | C | D | D | D | D |   **Câu 9. (1 điểm)**  Biện pháp nghệ thuật đối:  *Hàng quán người về - Nợ nần năm hết; nghe xao xác – hỏi lung tung* - Tác dụng:  + Gợi lên không khí buồn, ảm đạm của hình ảnh chợ tan, người về xao xác, xen vào đó là âm thanh hỏi - đòi nợ nhau của những người đi chợ. Hình ảnh được miêu tả trong hai câu thơ bổ sung ý nghĩa cho nhau, tạo ấn tượng về cuộc sống túng thiếu, nợ nần của dân quê.  + Qua đây cho ta cảm nhận được tâm trạng buồn, xót xa của tác giả. + Làm cho lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.  **Câu 10. (1 điểm)**  - Tâm trạng của Nguyễn Khuyến khi chứng kiến nhịp sống của người dân qua cảnh chơ Đồng: tâm trạng buồn, xót xa trước cảnh chợ giáp Tết vắng vẻ, tiêu điều. Nỗi buồn trĩu nặng trong tâm hồn Nguyễn Khuyến. Nguyễn Khuyến buồn vì cảnh nghèo của người dân quê ông. Ông đã nghe trong âm thanh chợ vãn bao cảnh ngộ cơ hàn.  - Nhận xét tâm trạng của nhà thơ: Đó là nỗi lòng của một con người có tấm lòng yêu thương sâu sắc đối với những người dân nghèo. Bài thơ thể hiện tấm lòng Nguyễn Khuyến thương dân, lo đời đáng quý. |

**BÀI 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ, THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh nhận biết được hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt

- Học sinh chỉ ra và nêu được nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**3. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**B. NỘI DUNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1.** Thành ngữ là một loại cụm từ có cấu tạo ổn định. Nghĩa của thành ngữ có tính hình tượng, biểu trưng và giàu cảm xúc.

**2.** Thành ngữ có khả năng hoạt động ngữ pháp như từ, tức có thể thay thế cho từ trong câu. Ví dụ:

*- Nó nói****dai****.*

*- Nó nói****dai như đỉa****.*

          Sử dụng thành ngữ, người nói, viết có khả năng thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của mình đối với sự vật, hiện tượng v.v… So sánh :

          Mắng          **-***mắng như tát nước vào mặt;*

**-***mắng vuốt mặt không kịp.*

**3.** Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa đen của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh…

- Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ. Ví dụ :

- Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.

 - Thành ngữ *Mèo nhỏ bắt chuột con* có nghĩa đen chỉ một việc cụ thể được dùng để biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình:

- Thành ngữ *Mèo mù vớ cá rán* được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.

**4.** Mỗi thành ngữ thường chỉ nêu một khía cạnh nào đó của đặc điểm, tính chất. Ví dụ:

- *Dai như chão* - thiên về biểu thị tính chất dai vật lí, khó kéo đứt;

- *Dai như đỉa* - thiên về sự bền bỉ, đeo đẳng không thôi.

**5.** Thành ngữ có cấu tạo rất đa dạng.

- Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ: *Ma cũ bắt nạt ma mới*). Ví dụ: *Chậm như rùa, Yếu như sên, Một nắng hai sương, Ruộng cả ao liền v.v…*

**6.** Cấu tạo của thành ngữ có tính ổn định, song, trong sử dụng, một số ít thành ngữ có thể bị biến đổi chút ít. Ví dụ: *học như cuốc kêu* có thể bị biến đổi thành học như *cuốc kêu ra rả mùa hè*  *đi guốc trong bụng* có thể bị biến đổi thành *đi dép trong bụng, lê dép trong bụng v.v…*

**II. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**

- Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét

- Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.

- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

- Dựa vaò nghĩa chung của một vài từ đã biết trong nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP VỀ THÀNH NGỮ**

**Bài 1: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:**

*a. Hai bên ý hợp tâm đầu*

*Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.*

*b. Pha kể đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1**

**a**. Ý hợp tâm đầu***:*** chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái

**b.** Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra.

**Bài 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:**

*Một nắng hai sương, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sống ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rơm vạ đá, đàn gảy tai trâu.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 2: Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:**

***Một nắng hai sương****, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng,* ***miệng hùm gan sứa****, ruột để ngoài da,* ***xanh vỏ đỏ lòng****,* ***vào sống ra chết****, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi,* ***quyền rơm vạ đá****, đàn gảy tai trâu.*

**Bài 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.**

*Đem con…; nồi da….; rán sành…; hồn xiêu….; một mất….; chó cắn…. tiến thoái….; thắt lưng….*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 3:** *Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mất một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thắt lưng buộc bụng.*

**Bài 4: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:**

a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống.

b. Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.

a. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4:**

a. *Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào* ***gió vào nhà trống.***

*b. Năm Thọ vốn là một thằng* ***đầu bò đầu bướu.***

*c. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn* ***gan vàng dạ sắt*** *không khai nửa lời.*

\* Ý nghĩa

a. Chỉ sự tốn công vô ích

b. Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.

c. Chỉ sự sắc son, vững chí của con người.

**Bài 5. Hoàn thành những câu thành ngữ sau và giải thích ý nghĩa:**

1. Nam……..nữ tú  
2. Trai tài gái………….   
3. Cầu được ước ……..  
4. Ước của ……….mùa   
5. Đứng núi này………núi nọ.   
6. Non xanh nước ………   
7. Kề vai ……….cánh.   
8. Muôn người như……….   
9. Đồng cam……..khổ   
10. Bốn biển một………

**Gợi ý trả lời**

**Bài 5.**

1. Nam thanh nữ tú  
2. Trai tài gái sắc  
3. Cầu được ước thấy  
4. Ước của trái mùa   
5. Đứng núi này trông núi nọ.   
6. Non xanh nước biếc   
7. Kề vai sát cánh.   
8. Muôn người như một  
9. Đồng cam cộng khổ   
10. Bốn biển một nhà.

**Bài 6:** Hoàn thành những câu thành ngữ, tục ngữ dưới đây, chon 2 câu để đặt câu

1. Đồng ………. hợp lực.  
2. Đồng sức đồng ………….  
3. Một miếng khi ……….. bằng một gói khi no.   
4. Đoàn kết là ……………, chia rẽ là chết.   
5. Thật thà là …….quỷ quái.   
6. Cây ………….không sợ chết đứng.   
7. Trẻ cậy cha, già cậy………..  
8. Tre già ……….mọc  
9. Trẻ người………..dạ  
10. Trẻ trồng na, già trồng ………..

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6:**

1. Đồng tâm hợp lực.  
2. Đồng sức đồng lòng  
3. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.   
4. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.   
5. Thật thà là cha quỷ quái.   
6. Cây ngay không sợ chết đứng.   
7. Trẻ cậy cha, già cậy con  
8. Tre già măng mọc  
9. Trẻ người non dạ  
10. Trẻ trồng na, già trồng chuối

**Đặt câu:**

1. Chúng ta phải đồng sức đồng lòng thì mới vượt qua khó khăn trong giai đoạn này.

2. Tôi không lo người ta vu oan, cây ngay không sợ chết đứng mà.

**Bài 7.** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

*a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

*b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

*c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 7.**Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :

a. *Ruột nóng như cào*: rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b. *Ruột để ngoài da*: (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.

c.  *Nhắm mắt làm ngơ*: cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

**Bài 8.** Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu: *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

          Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 8.**Tham khảo các câu sau:

- *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)

- *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

- *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…*

**Bài 9.**Cũng yêu cầu như bài tập 2 với các thành ngữ có từ mắt sau đây : *Mắt nhắm mắt mở, Mắt sắc như (hơn) dao (cau), Mắt phượng mày ngài.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 9.**Tham khảo các câu sau:

- *Gà mới gáy độ vài lần đã mải mốt choàng dậy,****mắt nhắm mắt mở****cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội.* (Nam Cao)

- *Chị nom rõ dáng người đàn bà lạ mặt, khăn mỏ quạ, áo cánh phin gụ, hai con mắt sắc hơn dao cau.* (Nguyễn Thị cẩm Thạnh)

- *Lưng ong****mắt phượng mày ngài****/ cổ cao ba ngấn kém ai trong đời.* (Hoàng Trừu)

 Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mắt như sau : *Mắt cú vọ, Mắt la mày lét, Mắt lơ mày láo…*

**Bài 10.**Dựa vào các văn bản đã học, hãy giải thích các thành ngữ sau : *Con Rồng cháu Tiên, Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 10.**Đọc lại các truyện: *Con Rồng cháu Tiên, ,* để giải thích nghĩa của các thành ngữ.

**- Con rồng cháu tiên*:*** *Con Rồng cháu Tiên là một huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Con Rồng cháu Tiên là tên xưng hô đầy tính tự hào của tất cả dân tộc Việt Nam xuất phát từ quan niệm của họ về xuất thân liên quan đến truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên*

**- Ếch ngồi đáy giếng:** *Đồng nghĩa với câu "ếch ngồi đáy giếng" là câu "coi trời bằng vung". Ý nghĩa câu thành ngữ ếch ngồi đáy giếng nghĩa là không coi ai ra gì tính tình tự cao tự đại luôn luôn cho rằng mình giỏi hơn tất cả và luôn luôn khinh thường người khác tầm nhìn thì hạn hẹp mà luôn luôn tỏ ra thông thái và biết tất cả mọi thứ*

**- Thầy bói xem voi:** Ý chỉ không nên xem xét một việc gì đó chỉ ở một khía cạnh mà cần phải phân tích đa chiều, nhiều mặt của vấn đề.

**Bài 11.** Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 13 câu có sử dụng ít nhất một thành ngữ.

(Giáo viên yêu cầu học sinhvề nhà viết sau đó nôpk lại để chấm điểm)

**III. Bài tập về từ Hán Việt**

**Bài 1**

Tìm từ Hán Việt trong những câu dưới đây (trích tuỳ bút *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới). Xác định nghĩa của các từ Hán Việt đã tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó.

*a. Tre ấy trông thanh cao, giản dị ... như người.*

*b. Dưới bóng tre xanh, ... người dân cày ... dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.*

*c. Tre là cánh tay của người nông dân.*

*d. Tre là thẳng thắn, bất khuất.*

**Gợi ý trả lời**

a. Từ Hán Việt: thanh cao, giản dị

- Thanh cao: trong sạch và cao thượng (trong sạch, cao: vươn lên, thanh cao: trong sạch vượt trội)

- Giản dị: không cầu kì, phức tạp, rườm rà (giản: gọn, sơ lược, không phức tạp; dị: dễ dàng)

b. Từ Hán Việt: khai hoang

- Khai hoang: khai phá vùng đất chưa được con người sử dụng (khai: mở, mở rộng, phát triển hoang: vùng đất chưa được con người sử dụng)

c. Từ Hán Việt: nông dân

- Nông dân: người lao động sản xuất nông nghiệp (nông: nghề làm ruộng; dân: người sống trong một khu vực địa lí hoặc hành chính)

d. Từ Hán Việt: bất khuất

- Bất khuất: không chịu khuất phục (Bất: không, khuất: khuất phục, bất khuất: không chịu khuất phục)

**Bài 2.** Em hiểu như thế nào về nghĩa của các yếu tố Hán Việt tạo nên từ tín ngưỡng được dùng trong văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô? Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách nào?

**Gợi ý trả lời**

Theo em hiểu tín có nghĩa là uy tín, chữ tín, lòng tin… ngưỡng là tôn kính, kính ngưỡng… Hai yếu tố này hợp thành tín ngưỡng mang nghĩa chỉ niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục, tập quán để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân, cộng đồng.

- Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách:

+ Tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: tín ngưỡng tách thành tín và ngưỡng.

+ Tiếp đó, dựa vào từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách trên vào các nhóm khác nhau. Ví dụ tín có: tín tâm, uy tín, tín nghĩa, chữ tín; ngưỡng có: kính ngưỡng, ngưỡng mộ…

+ Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

**Bài 3.** Tìm các từ Hán Việt trong các câu sau:

1. Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu.

(Huy Cận)

2. Nõn nà sương ngọc quanh thềm đậu

Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì

Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;

Cành biếc run run chân ý nhi.

(Xuân Diệu)

3. Sương nương theo trăng ngừng lưng trời;

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi…

(Xuân Diệu)

4. Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

(Nguyễn Khuyến)

5. Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền suôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

(Huy Cận)

6. Gà gáy một lần đêm chửa tan,

Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn;

Người đi cất bước trên đường thẳm,

Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

(Hồ Chí Minh)

7. Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ

Non xa khởi sự nhạt sương mờ

Đã nghe rét muốt luồn trong gió

Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Xuân Diệu)

8. Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
 Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

(Bà Huyện Thanh Quan)

9. Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

(Bích Khê)

10. Vô tâm – nhưng giữa bài thơ dịu

Anh với em như một cặp vần.

(Xuân Diệu)

11. Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

(Hồ Chí Minh)

12. Biển đã rộng nhưng trời còn mênh mông hơn. Trời đã mênh mông nhưng thấm gì so với lòng người vô biên vô tận! Nhìn vào đâu mà thấy nhiều ánh sáng hoặc nhiều bóng tối bằng nhìn vào lòng người.

(V. Huy-gô)

13. Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài.

(Hồ Chí Minh)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4**. Từ Hán Việt được in đậm sau:

1. Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa **vãn** chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến **cô liêu.**

(Huy Cận)

2. Nõn nà sương ngọc quanh thềm đậu

Nắng nhỏ bâng khuâng chiều **lỡ thì**

**Hư vô** bóng khói trên đầu hạnh;

Cành biếc run run chân **ý nhi**.

(Xuân Diệu)

3. Sương **nương** theo trăng ngừng lưng trời;

**Tương tư** nâng lòng lên chơi vơi…

(Xuân Diệu)

4. Sóng gợn **tràng giang** buồn điệp điệp

Con thuyền suôi mái nước song song

Thuyền về nước lại **sầu** trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

(Huy Cận)

5. Tấm thân **xiêm** áo sao mà nhẹ

Cái giá **khoa danh** ấy mới hời.

(Nguyễn Khuyến)

6. Gà gáy một lần đêm chửa tan,

Chòm sao đưa **nguyệt** vượt lên ngàn;

Người đi cất bước trên đường thẳm,

Rát mặt, đêm thu, trận gió **hàn**.

(Hồ Chí Minh)

7. Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ

Non xa **khởi sự** nhạt sương mờ

Đã nghe rét muốt luồn trong gió

Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Xuân Diệu)

8. Lối xưa xe ngựa hồn **thu thảo**,  
 Nền cũ **lâu đài** bóng **tịch dương**.

(Bà Huyện Thanh Quan)

9. Ô hay! Buồn **vương** cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

(Bích Khê)

10. **Vô tâm** – nhưng giữa bài thơ dịu

Anh với em như một cặp vần.

(Xuân Diệu)

11. **Đồng bào** ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

(Hồ Chí Minh)

12. Biển đã rộng nhưng trời còn mênh mông hơn. Trời đã mênh mông nhưng thấm gì so với lòng người **vô biên vô tận**! Nhìn vào đâu mà thấy nhiều ánh sáng hoặc nhiều bóng tối bằng nhìn vào lòng người.

(V. Huy-gô)

13. Nước nhà cần phải **kiến thiết**. Kiến thiết cần phải có **nhân tài**.

(Hồ Chí Minh)

**Bài 5.**Điền các từ ngữ Hán Việt: thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng vào chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp:

*a. Nhân dân ta đã đạt được nhiều… trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

*b. Nhà trường đã khen thưởng các em học sinh có… học tập tốt.*

*c. Nhân dân Việt Nam cương quyết bảo vệ các… của cách mạng.*

*d. Chúng tôi đã dùng nhiều biện pháp kĩ thuật đối với khu đất này, nhưng đến nay vẫn chưa có…*

*đ. Có chăm chỉ học tập thì… học tập mới cao.*

*e. Bác Hồ suốt đời ôm ấp một… là nước nhà được độc lập, thống nhất, nhân dân được no ấm, tự do.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 5.**Tìm hiểu nghĩa của các từ: *thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng* (nên dựa vào các từ điển để tìm hiểu cho chính xác). Tham khảo cách giải nghĩa sau:

- *Thành tích*: kết quả được đánh giá là tốt do nỗ lực mà đạt được. *Thành tích công tác.*

- *Thành tựu*: cái đạt được có ý nghĩa lớn sau một quá trình hoạt động thành công. *Thành tựu khoa học*.

- *Hiệu quả*: kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại. *Hiệu quả kinh tế*.

- *Thành quả*: kết quả quý giá đạt được của cả một quá trình hoạt động, đấu tranh. *Thành quả cách mạng.*

- *Kết quả*: cái đạt được, thu được trong một công việc hoặc một quá trình tiến triển sự việc. *Kết quả học tập*.

- *Nguyện vọng*: điều mong muốn. *Nguyện vọng chính đáng.*

- *Hi vọng*: tin tưởng và mong chờ. *Hi vọng có ngày gặp lại.*

Sau khi tìm hiểu nghĩa của từng từ, lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Có thể điền như sau:

*a. thành tựu; b. thành tích; c. thành quả; d. hiệu quả; đ. kết quả; e. nguyện vọng;*

**Bài 6.**Phân biệt nghĩa của các cặp từ sau và đặt với mỗi từ một câu.

*a. nồng nhiệt - nồng hậu*

*b. khẩn cấp - khẩn trương.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.**Dựa vào từ điển để giải nghĩa các từ đã cho.

          Tham khảo các câu sau:

 - *Chúng tôi cám ơn sự đón tiếp****nồng nhiệt****của các bạn.*

*- Anh là con người****nồng hậu****.*

*- Tình hình rất****khẩn cấp****, chúng ta phải chuẩn bị đối phó.*

*- Chúng ta phải****khẩn trương****triển khai kế hoạch.*

**Bài 7. Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.  
Gác mái, ngư ông về viễn phố,  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan)*

a. Tìm các từ Hán Việt có trong bài thơ trên? Giải thích nghĩa của các từ vừa tìm được?

b**.** Các từ Hán Việt ấy tạo sắc thái biểu cảm gì cho bài thơ?

**Gợi ý trả lời**

**Bài 7.**

a. Các từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải nghĩa:

- Hoàng hôn: lúc mặt trời vừa lặn, ánh sáng vàng (hoặc đỏ) và mờ dần.

- Ngư ông: người làm nghề đánh cá.

- Mục tử: chỉ đứa trẻ làm công việc chăn gia súc (trâu, bò)

- Lữ thứ: chỗ tạm nghỉ lại của người đi đường xa, thường chỉ nhà trọ, quán nghỉ.

- Hàn ôn: lạnh và ấm, chỉ sự chuyện trò hỏi thăm nhau ghi gặp lại.

b. Các từ Hán Việt này tạo sắc thái trang trọng, cổ kính cho bài thơ, khiến bài thơ phù hợp để diễn tả những nỗi niềm hoài cổ, u hoài trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

**Bài 8. Trong hai câu văn sau đây, những từ nào là từ Hán Việt? Hãy tìm hiểu nghĩa của chúng.**

*“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.*

*(Thân Nhân Trung, Hiền tài là nguyên khí của quốc gia)*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 8.**Những từ Hán Việt trong hai câu văn và nghĩa của chúng là:

- *Hiền tài*: người tài cao, học rộng và có đạo đức.

- *Nguyên khí*: khí chất ban đầu tạo nên sự sống còn và phát triển của sự vật.

- *Quốc gia*: đất nước.

- *Thịnh*: phát triển tốt đẹp.

- *Thế*: tổng thể các mối tương quan tạo thành điều kiện chung cho sự vật, hiện tượng.

- *Suy*: yếu, không phát triển.

- *Thánh đế*: vua tài năng.

- *Minh vương*: chúa sáng suốt.

- *Bồi dưỡng*: làm cho tăng cường sức lực, trí lực hay phẩm chất.

- *Nhân tài*: người tài giỏi.

- *Sĩ*: người trí thức thời phong kiến.

**Bài 9**. Viết một đoạn văn (từ 10 đến 15 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ Hán Việt có hiệu quả. Gạch chân dưới mỗi từ đó.

*(GV hướng dẫn hs tự viết)*

**BÀI 4: ÔN TẬP VĂN BẢN LAI TÂN**

*(Hồ Chí Minh)*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Thấy được tình trạng thối nát phổ biến của bọn quan lại Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch.

- Hiểu được nghệ thuật châm biếm độc đáo của nhà thơ.

- Nhận biết được thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản Lai tân.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong bài thơ

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

 - Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**B. NỘI DUNG**

**I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM**

**1. Tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| - Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.  - Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.  - Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan.  - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc.  - Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn nhà thơ lớn.  - Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thể giới | Hình ảnh Bác Hồ đẹp nhất khi ở chiến khu, với thiếu nhi |

**2. Tác phẩm**

+ Xuất xứ: Là bài thơ thứ 97, trích ***Nhật kí trong tù*** Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác trong khoảng bốn tháng đầu của thời gian HCM bị giam giữ tại các nhà tù của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc ở Quảng Tây.

**+ Đề tài**: Bài thơ thuộc mảng thơ hướng ngoại, nội dung phê phán nhà tù và xã hội Trung Quốc với nghệ thuật châm biếm sắc sảo.

+ Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

+ Bố cục: 2 phần

- Phần một (Ba câu đầu): Hiện thực xã hội Lai Tân.

- Phần hai (Câu thơ cuối): Bình luận của tác giả.

**II. PHÂN TÍCH**

**1. Chân dung của những kẻ đứng đầu trong bộ máy quản lí nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Lai Tân**

- Ban trưởng chính là người giám ngục thì ngày này qua ngày khác chỉ biết đánh bạc.

- Cảnh trưởng cố tình ăn tiền bòn vét, đút lót của phạm nhân.

- Huyện trưởng: chong đèn làm việc công thực chất ở đây ám chỉ việc hút thuốc phiện.

- Lần lượt từng tên, hiện ra rõ mồn một, tất cả đều là người thực hiện pháp luật, thực thi công lí, làm nhiệm vụ đem lại một cuộc sống công bằng. Nhưng không, họ lại làm những hành động không đúng với bổn phận, trái với pháp luật, đều hoàn toàn vô trách nhiệm.

=> Đó là những kẻ đại diện thực thi, bảo vệ công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp.

- Nhà tù là nơi cải hoá người xấu thành người tốt nhưng với những tên cai quản nhà tù như thế kia thì thực chất của loại nhà tù này là gì là điều dễ hiểu. Một kiểu nhà tù bằng cách như thế làm sao xã hội có thể thái bình thực sự được.

**2. Giọng điệu trào phúng của bài thơ**

Một trong những bút pháp để tạo ra tiếng cười trong nghệ thuật trào phúng là khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên.

- Ở đây, mâu thuẫn được tạo dựng bởi kết cấu bài thơ. Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường theo lẽ thường. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”, cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường.

=> Đó là tiếng cười được tạo ra một cách chua cay.

- Để tiếng cười trở nên mạnh mẽ, sâu sắc và độc đáo, tác giả đã đưa ra ba hình tượng (Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng) gắn liền với ba hiện tượng (đánh bạo, ăn hối lộ, hút thuốc phiện) và không dừng lại ở đó, Hồ Chí Minh còn nâng sự việc lên tầm phổ quát và phổ biến bằng các từ lặp lại như ngày ngày, đêm đêm, y nguyên như cũ... Những hiện tượng đó đủ để chúng ta kết luận xã hội Lai Tân đang rối loạn.

- Nhưng bất ngờ thay, tác giả lại kết luận là đang thái bình. Hoá ra, rối loạn hay thái bình không còn phụ thuộc ở hiện thực khách quan theo logic tự nhiên nữa mà phụ thuộc vào cách nhìn hiện thực khách quan dó. Nếu người khác nhìn thì cho đó là loạn nhưng với bộ máy quan lại Lai Tân thì đó là thái bình.

=> Người đọc luôn cười nhưng lại là điệu cười chua chát vì sự thật đã bị bóp méo một cách trần trụi, lẽ thường cuộc sống đã bị chà đạp không thương tiếc.

**3. Đối tượng phê phán trong bài thơ**

- Bài thơ được viết vào giai đoạn đất nước Trung Quốc bị phát xít Nhật xâm lược, nhân dân Trung Quốc phải rên xiết dưới sự thông trị của ngoại bang và sâu mọt trong bộ máy quan lại chính quyền Tường Giới Thạch.

- Bộ mặt quan lại nhà tù Lai Tân được Hồ Chí Minh khắc hoạ đầy đủ, rõ nét với chỉ bốn câu thơ. Không những thế, bài thơ còn phê phán tình trạng thôi nát phổ biến của bọn quan lại và xã hội Trung Quốc dưới thời cầm quyền của Quốc dân đảng.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực.

- Lối viết mỉa mai sâu cay.

- Bút pháp trào phúng.

**2. Nội dung**

Bài thơ miêu tả thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay.

**IV. LUYỆN TẬP**

**1. DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**Phiên âm**

*Giam phòng ban trưởng thiên thiên đổ,*  
*Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;*  
*Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,*  
*Lai Tân y cựu thái bình thiên.*

**Dịch nghĩa**

*Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,*  
*Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;*  
*Huyện trưởng chong đèn làm việc công,*  
*Lai Tân vẫn thái bình như xưa.*

**Dịch thơ**

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,*  
*Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;*  
*Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,*  
*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

*(Nam Trân dịch)*

**Câu 1:** Bài thơ "Lai Tân" được viết theo thể thơ

**A. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật**  B. Song thất lục bát

C. Ngũ ngôn bát cú đường luật D. Thất ngôn bát cú đường luật

**Câu 2:** Bài thơ "Lai Tân" được viết bằng

A. Pháp Ngữ **B. Chữ Hán** C. Chữ Quốc Ngữ D. Chữ Nôm

**Câu 3:** Sắc thái châm biếm, mỉa mai của bài thơ thể hiện ở câu thơ nào?

A. Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc.

B. Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.

C. Chong đèn, huyện trưởng làm công việc.

**D. Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.**

**Câu 4:** Ý nghĩa của câu thơ “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình” là gì?

A. Khen ngợi những việc làm của quan lại Lai Tân.

B. Ca ngợi sự cần mẫn “làm công việc” của huyện trưởng.

**C. Thể hiện sự phê phán, mỉa mai của tác giả.**

D. Phản ánh hiện thực xã hội Lai Tân thái bình

**Câu 5:** Ban trưởng ở nhà lao Lai Tân có tật xấu nào?

A. Háo sắc. B. Hút thuốc phiện

C. Ăn hối lộ **D. Đánh bạc.**

**Câu 6:** Bộ máy quan lại ở Lai Tân được thể hiện như thế nào qua ba câu đầu của bài thơ?

A. Làm tròn trách nhiệm và phận sự của mình.

B. Làm việc một cách hình thức.

C. Chỉ quan tâm đến việc bóc lột người dân.

**D. Không làm tròn chức năng của người đại diện pháp luật.**

**Câu 7:** Từ “chong đèn” trong câu “Chong đèn, huyện trưởng làm công việc” có nghĩa gì?

**A. Hút thuốc phiện.**

B. Đốt đèn để đọc sách vào đêm khuya.

C. Cầm ngọn đèn đứng gác.

D. Chong đèn để tránh bóng đêm

**Câu 8:** Nội dung của bài thơ "Lai Tân" là gì?

A. Phê phán các quan lại Lai Tân không quan tâm đến cuộc sống của người dân

**B. Phê phán thực trạng đen tối của xã hội Trung Quốc**

C. Ca ngợi sự thái bình của xã hội Trung Quốc

D. Cả ba nội dung trên

**Câu 9.** Các nhân vật trong bài thơ Lai Tân thuộc thành phần nào trong xã hội? Hãy làm rõ dụng ÿ của tác giả khi nhằm vào nhóm đổi tượng này.

**Câu 10**. Theo em, nội dung câu kết có mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước không? Vì sao?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | D | C | D | D | A | B |   **Câu 9.** Ban trưởng nhà giam - con người thực thi pháp luật nơi nhà tù cai quan tù nhân lại chuyên đánh bạc.  - Cảnh trưởng kiếm ăn quanh - hành động của một kẻ cướp cạn, trấn lột xương tủy của tù nhân, rất dơ bẩn và tàn nhẫn.  - Huyện trưởng chong đèn làm công việc - cứ ngỡ là đang thâu đêm suốt tháng để lo công việc, đắm chìm trong công việc quên cả nghỉ ngơi. Nhưng không - đó là đang hút thuốc phiện, người có chức vụ lớn thì lại thờ ơ, vô trách nhiệm, chìm ngập trong tận cùng của tệ nạn.  **Câu 10.** Nội dung câu kết không mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước vì: Ba tiếng thái bình thiên một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, bất ngờ (người đọc chờ một câu kết tựa như một cú đòn sấm sét, hạ gục đối thủ). |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**Chiều tối**

**Phiên âm**

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,*  
*Cô vân mạn mạn độ thiên không*  
*Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,*  
*Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.*

**Dịch nghĩa**

*Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,*  
*Chòm mây lẻ loi trôi lững lờ trên tầng không*  
*Thiếu nữ xóm núi xay ngô,*  
*Ngô vừa xong, lò than đã đỏ.*

**Dịch thơ**

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,*  
*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*  
*Cô em xóm núi xay ngô tối,*  
*Xay hết, lò than đã rực hồng.*

*(Trích Chiều tối - Hồ Chí Minh)*

**Câu 1:** Bài thơ được sáng tác theo thể thơ?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt** B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn D. Thơ tự do

**Câu 2:** Bài thơ “Chiều tối” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Lúc vừa mới bị bắt giam                         C. Khi bác được trả tự do

**B. Trên đường Bác chuyển nhà lao**                 D. Lúc chiều tối trong nhà lao

**Câu 3:** Mục đích của Bác Hồ khi viết tập thơ “Nhật kí trong tù” là gì?

A. Để tuyên truyền cách mạng, vận động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia cách mạng.

B. Để giác ngộ các tầng lớp thanh niên, nâng cao trình độ hoạt động cách mạng cho họ.

C. Để lên án sự cai trị áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở nước ta, kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

**D. Để “ngâm ngợi cho khuây” trong những ngày ở tù khi chờ đợi cuộc sống tự do.**

**Câu 4:** Hai câu đầu bài thơ “chiều tối” gợi lên trong lòng người đọc cảm giác gì rõ nhất?

A. Sự cô đơn, trống vắng                     **B. Sự mệt mỏi, cô quạnh**

C. Sự buồn chán hiu hắt                       D. Sự bâng khuâng, buồn bã

**Câu 5:** Dòng nào nêu đúng những yếu tố thể hiện màu sắc cổ điển của bài thơ “chiều tối”?

A. Thể thơ và cách miêu tả                 **B. Thể thơ và thi liệu**

C. Ngôn từ và hình ảnh                       D. Âm hưởng và cách ngắt nhịp

**Câu 6:** Sự vận động của cảnh vật và con người từ hai câu đầu đến hai câu cuối của bài thơ “chiều tối” cho thấy đặc điểm gì trong tâm hồn Hồ Chí Minh?

**A. Luôn hướng tới sự sống, ánh sáng, tương lai**

B. Luôn hưóng tới niềm vui lạc quan, yêu đời

C. Luôn hướng tới con người, cảnh vật, lao động

D. Luôn hướng tới lao động, hoạt động, vận động.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây không phải nội dung bài "Chiều tối"?

A. "Chiều tối" thể hiện nghị lực lớn của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh tù đày.

B. "Chiều tối" thể hiện niềm vui quên mình của người tù Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh tù đày.

**C. "Chiều tối" thể hiện sự bất công của chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch**

D. "Chiều tối" thể hiện tâm hồn chan hoà thiên nhiên của người tù cộng sản Hồ Chí Minh.

**Câu 8:**  Hình ảnh "sơn thôn thiếu nữ" trong bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào?

A. Cảnh vật con người phải sống quanh quẩn, mờ nhạt nơi núi rừng khiến nhân vật trữ tình động lòng thương xót.

**B. Vẻ đẹp của sự sống con người làm cho bức tranh chiều tối đang buồn bỗng trở nên tươi vui, ấm áp.**

C. Không có tác động gì đến khung cảnh.

D. Sự xuất hiện của hình ảnh con người quá nhỏ bé, làm cho cảnh thêm lạnh lẽo, hoang vu.

**Câu 9.** [Nêu cảm nghĩ của anh (chị) về sự vận động của cảnh vật và tâm trạng của nhà thơ trong bài “Chiều tối”?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/neu-cam-nghia-cua-anh-chi-ve-su-van-dong-cua-canh-vat-va-tam-trang-cua-nha-tho-trong-bai-chieu-toi.jsp)

**Câu 10** [Trong bài thơ “Chiều tối”, hình ảnh nào thể hiện tập trung vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/trong-bai-tho-chieu-toi-hinh-anh-nao-the-hien-tap-trung-ve-dep-tam-hon-ho-chi-minh.jsp)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | D | B | B | A | C | B |   **Câu 9.**  Trong bài thơ “Chiều tối”, sự vận động của con người và cảnh vật đối lập nhau, nó được thể hiện như sau:  - Ở hai câu thơ đầu tả cảnh thiên nhiên cảnh vật rơi vào trạng thái tĩnh lặng, hình ảnh của cánh chim mỏi của chòm mây lững lờ khiến cho tâm trạng con người cũng hoàn toàn rơi vào trạng thái lẻ loi, buồn tủi.  - Tuy nhiên trong hai câu thơ cuối, với những hình ảnh là bình dị trong cuộc sống sinh hoạt của người dân xóm núi lại cho thấy một khung cảnh tươi vui, đầm ấm với hình ảnh “lò than” rực hồng. Khung cảnh trong hai câu thơ cuối cho thấy tinh thần lạc quan của người chiến sĩ, trong mọi hoàn cảnh đều vui tươi, lạc quan, yêu đời.  **Câu 10.**  - Hình ảnh thể hiện vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh trong bài: Hình ảnh thiếu nữ xay ngô tối và hình ảnh bếp lửa hồng  + Ý nghĩa hình ảnh:  - Cho thấy tình yêu của Bác với những người dân nghèo. Tâm trạng trên đường chuyển ngục tuy rất mệt mỏi nhưng chỉ cần nhìn thấy những hình ảnh giản dị đã làm Người vui vẻ.  Cùng đó cho thấy Bác luôn nhớ đến quê hương, đất nước tình yêu quê bao la như tâm hồn Bác vậy. |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang,  
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,  
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

*(Trích Tức cảnh Pác Bó)*

**Câu 1:** Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt** B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn D. Tự do

**Câu 2:** Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài Tức cảnh Pác Bó?

A. Giọng tha thiết, trìu mến. **B. Sảng khoái, tự nhiên, hóm hỉnh**

C. Giọng nghiêm trang, chừng mực. D. Giọng buồn thương, phiền muộn.

**Câu 3:** Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “chông chênh”?

**A. Không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn.**

B. Ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.

C. Cao và không có chỗ bấu víu, luôn đu đưa, nguy hiểm.

D. Ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngả lại.

**Câu 4:** Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hiện qua câu thơ cuối

*“Cuộc đời cách mạng thật là sang”*

A. Vui thích vì được sống chan hòa với thiên nhiên.

B. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

**C. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ**

D. Người đang an ủi, động viên chính mình vượt qua khó khăn

**Câu 5:** Trung tâm của bức tranh Pác Bó trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” là

A. Bàn đá chông chênh

**B. Hình tượng người chiến sĩ Cách mạng.**

C. Cảnh thiên nhiên với non xanh nước biếc.

D. Những thức ăn dân dã

**Câu 6:** Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hổ như thế nào?

A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.

B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.

**C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.**

D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.

**Câu 7:** Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó?

A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

**B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.**

C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.

D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

**Câu 8:** Nội dung của bài thơ là

A. Hiện thực cảnh sinh hoạt bình dị, nề nếp, gian khổ, thiếu thốn của Bác.

B. Thể hiện tình yêu thiên nhiên của người chiến sĩ cách mạng.

C. Vẻ đẹp tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của bác Hồ trong cuộc sống cách mạng gian lao ở Pác Bó.

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 9.** Câu thơ kết cho ta thấy Bác quan niệm về cuộc đời cách mạng như thế nào?

**Câu 10.** Qua bài thơ *''Tức cảnh Pác Bó''* em học tập được điều gì về Bác?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | A | C | B | C | B | D |   **Câu 9.** Ta thấy ở đây niềm vui thích của Bác Hồ là rất thật, không chút gượng gạo, lên gân vì thế nên giọng thơ sảng khoái, ngân vang: Thật là sang.  Bác tự hào về cuộc đời cách mạng, nó sang trọng, cao quý. Sang ở đây không phải là vật chất sang trọng, giàu sang phú quý mà đây là cái thoải mái tinh thần, cuộc sống đầy ý nghĩa của người cách mạng. Với Bác, cứu dân, cứu nước là niềm vui, là lẽ sống, là lí tưởng của mình. Hơn nữa, dường như ở Bác luôn sẵn có, cái thú lâm truyền: Bác thích sống ở núi rừng, được sống hòa hợp cùng thiên nhiên, cây cỏ. Tuy nhiên, cái vui thú của Bác không phải là được làm một ẩn sĩ mà là một chiến sĩ, suốt đời chiến đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng dân tộc. Rõ ràng ở Bác có những nét đẹp của phong cách cổ điển đan xen với nét đẹp của phong cách hiện đại. Vẻ đẹp này đã thể hiện trong phong cách thơ của Bác.  **Câu 10.** Từ bài thơ *''Tức cảnh Pác Bó''* em học được ở Bác:  - Phẩm chất giản dị, lòng cam đảm và tình yêu cách mạng của Bác.  - Tình yêu và sự gắn bó hoà hợp với thiên nhiên.  - Luôn biết vượt qua những khó khăn thiếu thốn về vật chất đổi lại đời sống tinh thần luôn phong phú.  =>Đó là những phẩm chất đáng quý để thế hệ thanh thiếu niên noi theo. |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*“Một đàn thằng hỏng đứng mà trông,*

*Nó đỗ khoa này có sướng không!*

*Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,*

*Dưới sân ông cử... ngỏng đầu rồng.”*

*(Giễu người đi thi - Trần Tế Xương, in trong Tổng tập văn học Việt Nam)*

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?

A. Bảy chữ B. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

C. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật D. Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 3**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng.

B. Chủ thể xuất hiện trực tiếp qua từ “nó”

C. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

D. Không xác định được

**Câu 4.** Đối tượng hướng tới của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là ai?

A. Những kẻ thi hỏng B. Những kẻ thi đỗ

C. Những kẻ đi thi hộ D. Tác giả

**Câu 5.** Dòng nào **không** phải là điểm đặc biệt trong cấu trúc bài thơ?

A. Bài thơ chia làm 2 phần: hai câu đầu – hai câu sau

B. Sử dụng câu cảm thán

C. Hai câu cuối tả thực

D. Câu đầu và câu cuối đối nhau

**Câu 6**. Cách gọi các sĩ tử thi trượt ở hai câu đầu có gì đặc biệt?

A. Gọi là “một đàn thằng hỏng” với sắc thái thân mật

B. Gọi là “một đàn thằng hỏng” với sắc thái trang trọng

C. Gọi là “nó” với sắc thái bông đùa

D. Gọi là “một đàn thằng hỏng” với sắc thái bông đùa

**Câu 7.** Giọng điệu chủ đạo của bài thơ là gì?

A. Hài hước B. Mỉa mai – châm biếm

C. Đả kích D. Thủ thỉ tâm sự

**Câu 8**. Câu nào dưới đây nói đúng về ngôn ngữ trong bài thơ?

A. Ngôn ngữ suồng sã, thô mộc

B. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với lời nói hàng ngày

C. Ngôn ngữ trang trọng, nhiều từ Hán Việt

D. Ngôn ngữ trau chuốt, gọt giũa.

**Câu 9**. Phân tích tác dụng của phép đối trong hai câu thơ cuối. **Câu 10.** Nhận xét về tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | B | C | B | D | D | B | A |   **Câu 9.**  - Phép đối giữa hai câu thơ cuối:  *Trên ghế - dưới sân; bà đầm – ông cử; ngoi đít vịt – ngẩng đầu rồng*  - Tác dụng của phép đối:  + Nhấn mạnh sự phô chương, kệch cỡm của kẻ đại diện cho bè lũ thực dân ngoại bang (bà đầm) và sự thảm hại đến đáng thương của những người đỗ đạt kì thi.  + Làm rõ nỗi ê chề, cay đắng của tác giả khi nhận thấy nỗi nhục nhã của đất nước hiện thời.  **Câu 10.**  - Tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ:  + Nỗi nhục nhã, ê chề trước một lối thi cử pha tạp của chế độ thực dân nửa phong kiến.  + Thái độ phủ nhận trước tấn tuồng thi cử đương thời (dù là kẻ hỏng thi hay cả những kẻ thi đỗ thì cũng đều thảm hại, nhục nhã).  - Nhận xét: Tình cảm của Tú Xương là tình cảm thầm kín của một người dân yêu nước, một kẻ sĩ luôn ấp ủ một lí tưởng, hoài bão nhưng nhận thấy rõ sự vô nghĩa của chế độ thi cử, khoa danh hiện thời. Ông rơi vào bế tắc khi chưa tìm được lối thoát. |

**BÀI 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

 - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó

- Hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ (từ ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Thu thập các thông tin liên quan đến bài thực hành

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập sắc thái nghĩa của từ và lựa chọn từ ngữ

- Tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**3. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. NỘI DUNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Các sắc thái nghĩa cơ bản**

- Có những sắc thái nghĩa cơ bản như: trang trọng- thân mật- suồng sã, tích cực- tiêu cực, tốt nghĩa- xấu nghĩa, … Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng các sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt

**2. Lưu ý trong việc lựa chọn từ ngữ (ở đây là từ Hán Việt)**

- So với những từ thuần Việt có nghĩa tương đồng, nhóm từ ngữ Hán Việt thường gợi ấn tượng về sự cổ kính, trang trọng

+ Sắc thái cổ kính, ví dụ: *Sóng gợn****tràng giang****buồn điệp điệp (Huy Cận, Tràng giang)*. Nếu thay *tràng giang* bằng *sông dài*thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này

+ Sắc thái trang trọng, ví dụ: *Hôm nay,****phu nhân****Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa hồng*. Cách dùng từ *phu nhân* (thay vì dùng từ *vợ)* phù hợp với vị thế của người được nói đến

**II. THỰC HÀNH**

**Bài 1. Nhận xét về sắc thái nghĩa của từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau.**

*a*. *Có lúc****vểnh râu****vai phụ lão*  
*Cũng khi****lên mặt****dáng văn thân.*

*(Trần Tế Xương, Tự trào)*

b. *Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi,*  
*Này của Xuân Hương đã****quệt****rồi.*

*(Hồ Xuân Hương, Mời trầu)*

c. *Ghế tréo lọng xanh ngồi****bảnh****choẹ,*  
*Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.*

*(Nguyễn Khuyến, Tiến sĩ giấy)*

**Gợi ý trả lời**

a. Có lúc **vểnh râu** vai phụ lão. =>*Thái độ lên mặt, coi thường mọi thứ.*

Cũng khi **lên mặt** dáng văn thân. =>*Thái độ coi mình hơn người, tự tin quá mức.*

b. Này của Xuân Hương đã **quệt** rồi. =>*Sắc thái thách thức.*

c. Ghế tréo lọng xanh ngồi **bảnh** choẹ, =>*Tư thế ngồi tự mãn, bề trên.*

**Bài 2**. **Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp ấy:**

*Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?*  
*Lâu để mà xem cuộc chuyển vần.*

*(Trần Tế Xương, Tự trào I)*

**Gợi ý Trả lời:**

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: Câu hỏi tu từ “*Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?”*

- Tác dụng: Việc sử dụng câu hỏi tu từ giúp tăng sắc thái biểu cảm cho việc diễn đạt, thể hiện thái độ tự trào của tác giả trước cuộc đời, là bức chân dung tự họa chính mình. Đặc biệt, đó còn là những sự đổi thay, biến chuyển của đời sống xã hội lúc bấy giờ.

**Bài 3**. Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:

a. Ngắn và cụt lủn

b. Cao và lêu nghêu

c. Lên tiếng và cao giọng

d. Chậm rãi và chậm chạp

**Gợi ý trả lời**

a. Ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lủn có sắc thái châm biếm.

b. Cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu ngêu mang sắc thái nghĩa chê bai.

c. Lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai.

d. Chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn chậm chạp mang sắc thái tiêu cực.

**Bài 4.**

a. Cho câu văn: “Bác sĩ đang khám tử thi”.

Từ Hán Việt “tử thi” được dùng để làm gì?

*b. “Yết Kiêu đến kinh đô Thăng Long, yết kiến vua Trần Nhân Tông.*

*Nhà vua: Trẫm cho nhà ngươi một loại binh khí.*

*Yết Kiêu: Tâu bệ hạ, thần chỉ xin một chiếc dùi sắt.*

*Nhà vua: Để làm gì?*

*Yết Kiêu: Để dùi thủng chiến thuyền của giặc, vì thần có thể lặn hàng giờ dưới nước.”*

Các từ Hán Việt *“kinh đô, yết kiến, Trẫm, bệ hạ, thần”* được dùng để làm gì?

**Gợi ý trả lời**

a. Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ

b. Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.

**Bài 5.** Từ nào trong khổ thơ sau đồng nghĩa với *“đỏ”* hoặc thường đi kèm với *“đỏ”.* Nghĩa/sắc thái nghĩa của từ đó là gì?

*Thúng cắp bên hông, nón đội đầu,*

*Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu,*

*Trông u chẳng khác thời con gái*

*Mắt sáng, môi hồng, mà đỏ au.*

**Gợi ý trả lời**

1. “Thắm”: chỉ màu đỏ đậm, tươi; “au”: chỉ màu đỏ tươi, ửng lên, trông thích mắt

2. “Hồng”: chỉ màu đỏ nhạt; “au”: chỉ màu đỏ tươi, ửng lên, trông thích mắt

3. “Thắm”: chỉ màu đỏ đậm, tươi

4. “The nâu”: chỉ màu đỏ đậm, đen

**BÀI 4: ÔN TẬP VĂN BẢN MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA**

**TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG**

*(Trần Thị Hoa Lê)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh chỉ ra được đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng trong văn bản

- Học sinh trình bày cách hiểu về giọng điệu trào phúng thông qua một số nhận định trong văn bản

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong văn bản

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Tự giác học tập, chăm chỉ và nghiêm túc trong học tập.

**B. NỘI DUNG**

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả tác phẩm**

- Trần Thị Hoa Lê

**2. Tác phẩm**

- Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 9/2022

**II. Phân tích văn bản**

**1. Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng** | Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn phong trào phúng là những sự vật, sự việc không hoàn hảo, không được trọn vẹn xoay quanh cuộc sống. Tiếng cười trào phúng thường nhằm tới những đối tượng cụ thể là nét bi hài, mỉa mia, chấm biếm và lên án… |
| **2. Những giọng điệu nào của tiếng cười trong thơ trào phúng** | Giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng được văn bản đề cập đến là sự hài hước, khinh bỉ, đả kích và phê phán. Từng giọng điệu đều có những dấu hệu nhận biết rõ ràng:  - Hài hước là cách bông đùa vu vơ, nhẹ nhàng kết hợp các yếu tố mới lạ, lu mờ đi những khuôn khổ thân quen. Hai câu thực và hai câu luận của bài thơ sử dụng câu từ, hình ảnh mang tính chất đối, chế giễu.  - Khinh bỉ, đả kích là những yếu tố thiếu logic, đi ngược lại với trật tự đạo lí thường tình. Tạo nên tiếng cười phê phán, lên án thói tự mãn, đạo đức giả…  - Phê phán mang tính chất phủ nhận gay gắt, quyết liệt thể hiện qua niệm về nhân sinh, đạo đức con người. |
| **3. Nhận định: "Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn".** | Tiếng cười trong văn chương xuất hiện muộn và không đều đặn trong các tác phẩm văn học viết thời trung đại. Đặc biệt ở thể loại truyện ngắn/truyện văn xuôi chữ Hán, phải đến cuối thế kỷ XIV sang thế kỷ XVI, tiếng cười hiếm hoi mới thực sự xuất hiện một cách dè dặt.  Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống. Khác với thơ lãng mạn, thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Vạch mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay. |

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:**

- Luận điểm ngắn gọn, tập trung, sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

- Luận cứ xác đáng, toàn diện, nhận xét sâu sắc.

- Luận chứng phong phú, cụ thể, xác thực.

**2. Nội dung:**

- Văn bản đề cập đến những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích... qua đó thể hiện nét đắc trong nghệ thuật trào phúng trong văn học Việt Nam.

**IV. LUYỆN TẬP**

**1. DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

Thơ trào phúng là một bộ phận sáng tác văn học đặc thù, mà đối tượng miêu tả, của con người, cuộc sống. Phương tiện đặc sắc mà thơ trào phúng sử dụng để chống lại cái bất toàn ấy là tiếng cười với nhiều giọng điệu khác nhau. Một số giọng điệu cơ bản của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mia mai - châm biếm, đã kích...

Hài hước là cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc. Bài thơ tự trào của Phạm Thái là một ví dụ điển hình cho lối hài hước như một cách vượt lên cảnh ngộ, vượt lên những nỗi đắng cay của kẻ bất đắc chí, tự thấy mình đáng cười, vô tích sự:

*Có ai muốn hỏi tuổi tên gì?*

*Vừa chẵn ba mươi gọi chủ Lì.*

*Dăm bảy câu thơ, gầy gối hạc,*

*Vài ba đứa trẻ, béo răng nghệ”)*

*Tranh vờn sơn thuỷ, màu nhem nhuốc,*

*Bầu dốc kiến không, giọng bét be.*

*Miễn được ngày nào cho sướng kiếp,*

*Sống thì nuôi lấy, chết mang đi.*

*(Phạm Thái, Tự trào I)*

Hai cặp câu thực và luận của bài thơ bát cú sử dụng những từ ngữ, hình ảnh đăng đổi theo lối chế giễu (gầy gối hạc - béo răng nghề, màu nhem nhuốc - giọng bét be) đã dựng nên bức chân dung nhà nho tài hoa nhưng không gặp thời vận, đành tìm thú vui trong việc làm thơ, dạy trẻ, vẽ tranh, uống rượu, và chuyển hoá nỗi buồn thời thế thành ra tiếng cười hài hước tự chế nhạo lối sống coi nhẹ mọi được - mất, sinh - tử của mình.

*Mia mai - châm biếm* là cách tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gíc, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng cười phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt... Nguyễn Khuyến đã châm biếm về tình huống trở trên của “quan tuần” mất cướp. Quan tuần phủ đúng đầu một tỉnh (nhỏ) người lẽ ra phải trị được quân trộm cướp thì lại bị kẻ cướp “len” cho một vố rõ đau

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,*

*Nó lại mang ông bỏ giữa đồng*

*Lấy của đánh người, quân tệ nhỉ!*

*Thân già da cóc, có đau không?*

*Bây giờ mới sẽ sầy đa trận,*

*Ngày trước đi đâu mất mảy lông!*

*Thôi cũng đừng nên ki cóp nữa,*

*Kéo mang tiếng dại với phường ngông!*

*(Nguyễn Khuyến, Hỏi thăm quan tuần mất cướp)*

Tình huống mỉa mai “quan tuần mất cướp” đã cho thấy sự bất lực, đáng thương và đáng cười của ông quan này. Khai thác “tai nạn” bất thường, vô lí xảy ra với một ông quan tỉnh, Nguyễn Khuyến có dịp chê cười những ông quan xấu tương tự - vừa giàu có kếch sù vừa keo kiệt, bản xin, làm quan nhiều quyền lực nhưng đến cái thân mình cũng không đảm bảo được an toàn Nói cách khác, *mỉa mai - châm biếm* là một thủ pháp tạo nên tiếng cười bằng cách khẳng định một cách có vẻ như nghiêm túc, có lí những điều vô lí, không thể chấp nhận, tạo nên sự hoài nghi, phê phán, thanh lọc đối với cái xấu, cái đáng cười. Đó là cách “chế nhạo ngầm, đeo mặt nạ nghiêm trang”: khen để mà chê, khẳng định để mà phủ định, đề cao để mà hạ thấp... Mỉa mai Nha lệ thương dân, Kép Trà đã khái quát được tình cảnh khốn khổ của người dân quê hương ông, xứ đồng trũng “chiêm khê mùa thổi” liên miên lụt lội, lại còn è cổ chịu thêm gánh nặng “quan tham”

*Nước lụt năm nay khó nhọc to,*

*Thương dân nha lệ(1) dốc lòng lo.*

*Chừa nhai tre hết còn nhai bạc,*

*Mới bắt trâu xong lại bắt bò.*

*Mấy xã Bạch Sam(1) anh lệ nuốt,*

*Trăm phu Chuyên Nghiệp” chủ thừa nó.*

*Còn đê, còn nước, dân còn khổ,*

*Ai bảo Duy Tiên huyện vẫn cò(4)*

*(Kép Trà, Nha lệ thương dân)*

Trong bài thơ thất ngôn bát cú này, tác giả sử dụng lối nói ngược (phản ngữ), giả như khen ngợi “nha lệ thương dân”, “dốc lòng” lo củ dân trong tỉnh cảnh mưa lớn, vỡ đê, nước lụt, song tiếng cười mỉa mai cất lên ở bốn câu thơ thực (3 - 4) và luận (5 - 6) đã phơi bày thực chất lợi dụng thiên tại để nhũng nhiễu, bòn rút dân nghèo của đám nha lệ đó. Chúng “thương dân” bằng cách nhai tre, nhai bạc, bắt trâu, bắt bò, nuốt, no khiến cho người dân đã nghèo đói vì thiên tại lại khổ sở thêm vì nhân hoạ

Đả kích là một cấp độ khác của tiếng cười trào phúng, thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. Đó có thể là những hình thức ngôn từ mang tỉnh “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc, nhằm mục đích cảnh tỉnh sự tha hoá đạo đức đang diễn ra tràn lan trong xã hội. Trường hợp bài thơ Đất Vị Hoàng của Trần Tế Xương là một ví dụ tiêu biểu:

*Có đất nào như đất ấy không?*

*Phố phường tiếp giáp với bờ sông*

*Nhà kia lỗi phép, con khinh bố,*

*Mụ nọ chanh chua, vợ chửi chồng*

*Keo củ, người đâu như cứt sắn*

*Tham lam, chuyện thở rặt hơi đồng(6)*

*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,*

*Có đất nào như đất ấy không?*

Bài thơ có lối kết cấu thủ vĩ ngâm, câu đầu, câu cuối hoàn toàn giống nhau, tạo nên cảm giác về một vòng xoay bế tắc, luẩn quẩn của xã hội giao thời cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Dưới cái nhìn của nhà thơ trào phúng, tâm điểm “vòng xoay bế tắc” đó chính là tình trạng đạo đức gia đình và xã hội xuống cấp nghiêm trọng gia đình thì mất tôn ti trật tự, người trên hư hỏng, người dưới hỗn hào, thiếu tôn trọng lẫn nhau (con khinh bố, vợ chửi chồng), xã hội thì đầy rẫy những thói keo kiệt, tham lam, chạy theo đồng tiền.

*(Trần Thị Hoa Lê sinh năm 1968 tại Ninh Bình, là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học. Các công trình nghiên cứu chính: Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam, tập 2 (2015, viết chung), Văn học trào phúng Việt Nam thời trung đại (2017)...*

**Câu 1.** Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười thông qua

**A. Hình thức ngôn ngữ viết** B. Hình thức ngôn ngữ văn học

C. Hình thức ngôn ngữ nói D. Hình thức ngôn ngữ thi ca

**Câu 2**. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

**A. Văn nghị luận**  B. Truyện ngắn

C. Tiểu thuyết D. Truyện lịch sử

**Câu 3:** Thơ trào phúng là thơ như thế nào?

A. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc đưa ra cái chưa hay, chưa đẹp, xấu xa... và lên án chúng

**B. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc đưa ra cái chưa hay, chưa đẹp, xấu xa... và lên án chúng, tạo nên những tiếng cười châm biếm, trào phúng**

C. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc tạo nên những tiếng cười châm biếm, trào phúng

D. Là thơ mang đến tiếng cười

**Câu 4:**Quan niệm văn chương của người xưa là

A. Chỉ cần nội dung hay, ý đẹp, mang lại thông điệp tốt

B. Chỉ cần làm điều khuất tất, ắt sẽ thấy trong lòng không được thanh thản, an yên.

**C. Lời, ý giản dị đầy đủ mạch lạc thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, đôn hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn có giọng ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được**

D. Nghệ thuật sâu sắc đạt đến mức cao

**Câu 5:** Theo bài viết một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là:

A. Hài hước, mỉa mai B. Châm biếm

C. Đả kích **D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

**Câu 6**. Nội dung của đoạn trích trên

A. Văn bản đề cập đến những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích.

B. Qua đó thể hiện nét đắc trong nghệ thuật trào phúng trong văn học Việt Nam.

**C. Cả đáp án A, B đều đúng**

D. Cả đáp án A, B đều sai

**Câu 7.** Tiếng cười trong thơ trào phúng thường nhắm tới các đối tượng nào?

A. Những thói xấu (tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt…)

B. Tham quan trong xã hội xưa.

C. Tình trạng đạo đức gia đình và xã hội xuống cấp nghiêm trọng

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

**Câu 8.** Tiếng cười trào phúng thường xuất hiện?

**A. Rất muộn** B. Rất sớm C. Sớm D. Muộn

**Câu 9.** Qua văn bản trên giúp em hiểu được gì về thơ trào phúng?

**Câu 10.**  Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập, em cảm thấy thích thú với giọng điệu nào? Vì sao?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | A | B | C | D | C | D | A |   **Câu 9.** Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống. Khác với thơ lãng mạn, thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Vạch mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay.  **Câu 10.** Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập, em cảm thấy thích thú với giọng điệu đả kích. Ví nó là sự phủ nhận gay gắt của đối tượng đồng thời cũng thể hiện được đạo đức và quan niệm về nhân sinh của người viết. |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bắt đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chịu. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn. Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng và các chức năng của cơ thể vì thế cũng được cấu trúc lại vững chắc và hài hoà hơn.*

*“Một trái tim vui cũng như một phương thuốc tốt” (ngạn ngữ Do Thái). Tiếng cười là một hình thức chữa lành, dựa trên những nguyên lí được các chuyên gia ngành y thừa nhận. Những nghiệt ngã, âu sầu, lo lắng như những gỉ sét bám vào cuộc sống của ta, phải được rửa sạch bằng niềm vui. Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân. Ở phía Tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. Ông chữa bệnh cho nhiều người chỉ bằng rất ít thuốc. Tờ Len-sit (Lancet) của Luân Đôn (London) - một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới đã đưa ra nhận định thế này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khoẻ của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”. Vì vậy, điều quan trọng nhất là phải giữ được một trạng thái tinh thần tốt nhất, vui vẻ nhất.*

*Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tỉnh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn. Nhà thơ Đơ-rai-đơn (Dryden) nói rằng: “Tiếng cười, dù ở mức độ nào, luôn là một điều tốt. Và nếu một thứ có thể gây cười cho mọi người, thì nó là một công cụ tạo ra hạnh phúc”. Ngài Goan-tơ Xơ-cót (Walter Scott)' nói: “Hãy cho tôi một tiếng cười chân thành”, ông luôn dành những câu nói tử tế và nụ cười chân thành cho tất cả mọi người, và chính điều đó làm ông trở thành một trong những người đàn ông hạnh phúc nhất thế giới.*

*Nếu bạn hỏi ai đó rằng: “Bạn bao nhiêu tuổi?”, bạn có thể nhận được câu trả lời: “Nếu bạn hỏi đến số năm sống trên đời thì tôi hai mươi lăm tuổi, nhưng tính bằng những niềm vui, thì hẳn tôi phải trăm tuổi rưỡi” (ngạn ngữ).*

*Những lợi ích của tiếng cười đã được tác giả thể hiện ngay ở đầu văn bản là: làm cơ thể khỏe mạnh, mang cho con người nhiều niềm vui, giúp thân thể vận động dễ chịu, kích thích máu lưu thông tốt hơn, tăng tốc độ hô hấp, cân bằng các chức năng của cơ thể…*

*Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt, cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tỉnh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn.*

*(Trích Tiếng cười có lợi ích gì? - O-rri-sơn Xơ-goet-ma-đơn)*

**Câu 1:** Ai là tác giả của văn bản *“Tiếng cười có lợi ích gì?”*?

**A. Orison Swett Marden**  B. Sigmund Freud

C. William James D. Burrhus Frederic Skinner

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm **D. Nghị luận**

**Câu 3:** *“Một trái tim vui cũng như một phương thức tốt”.* Đây là một câu:

A. Ca dao **B. Ngạn ngữ** C. Tục ngữ D. Thơ

**Câu 4:** Ai được gọi là “bác sĩ cười”?

**A. Burdick** B. Maguire C. Lingard D. Fred

**Câu 5:** Luận điểm của đoạn thứ nhất là gì?

A. Tác dụng của tiếng cười trong nghiên cứu vật lí

B. Tác dụng của tiếng cười về mặt y học, giải phẫu

C. Tác dụng tinh thần của tiếng cười.

**D. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 6:** Tác giả cho rằng một nụ cười tươi có tác dụng gì?

A. Giúp chúng ta có thể ra đi thanh thản lúc cuối đời.

B. Ngay lập tức chuyển đổi trạng thái tinh thần từ căm hận sang yêu mến.

C. Dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn

**D. Tất cả các đáp án trên.**

**Câu 7:** Luận điểm của đoạn thứ hai là gì?

A. Các nghiên cứu về tiếng cười

**B. Tiếng cười là một hình thức chữa lành.**

C. Yếu tố làm nên tiếng cười

D. Nguyên nhân gây ra tiếng cười thông qua việc đọc các truyện cười

**Câu 8:** Luận điểm của đoạn thứ ba và thứ tư là gì?

A. Nghệ thuật của tiếng cười

B. Tác dụng của tiếng cười trong việc thao túng tâm lí

**C. Tác dụng về mặt tinh thần của tiếng cười**

D. Tiếng cười trong văn học

**Câu 9.** Theo văn bản tiếng cười có lợi ích gì với con người?

**Câu 10.** Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | D | B | A | D | D | B | C |   **Câu 9.** Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt, cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tỉnh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn.  **Câu 10.** Để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống, mỗi chúng ta hãy cùng nhau tạo ra những niềm vui, sự hài hước như vậy mọi người sẽ thấy thoải mái, vui vẻ mà cười nhiều hơn. Ngược lại, những nỗi buồn chỉ mang cho ta tiếng khóc. Khi một ai đó cười, hãy cùng chia sẻ niềm vui đó với họ để ta cũng được cười theo người đó. Một người cười sẽ lan tỏa niềm vui tới những người xung quanh. Có như vậy thì ai ai trong mỗi chúng ta mới có nhiều tiếng cười và niềm vui. |

**BÀI 4: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(THƠ TRÀO PHÚNG)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**B. NỘI DUNG**

**I. Trước khi viết**

**1. Lựa chọn đề tài**

- Liệt kê các bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc (gợi ý: Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến), Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương) …). Chọn trong số đó một bài thơ em cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích.

**2. Tìm ý**

Để tìm ý cho bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, em cần thực hiện các bước sau:

- Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần.

- Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm.

- Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ…), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ…)

- Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn canh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích.

**3. Lập dàn ý**

Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Riêng phần Thân bài có thể lập dàn ý theo một trong hai phương án: theo bố cục bài thơ hoặc theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

**Dàn ý**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có) …

**b. Thân bài:**

- Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống ý tương ứng.

**Phương án 1:**Phân tích theo bố cục bài thơ:

+ Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

+ Ý 2: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

**Phương án 2:** Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật:

+ Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán…)

+ Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ… đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười)

**c. Kết bài:**

- Khái quát ý nghã của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Viết bài**

- Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc.

- Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trago phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ.

- Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung.

**3. Chỉnh sửa bài viết**

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu phân tích một bài thơ trào phúng và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau:

- Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.

- Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nọi dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.

- Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối.

**ĐỀ 1: Phân tích bài thơ “Năm mới chúc nhau” của Trần Tế Xương**

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài:**

**- Giới thiệu nhà thơ Trần Tế Xương và bài thơ “Năm mới chúc nhau”. phân tích đánh**

**2. Thân bài: phân tích đánh giá năm mới giá bài năm mới**

**a. Phân tích nội dung của bài thơ: phân tích đánh giá năm mới**

**- Nội dung của bài thơ “Năm mới chúc nhau” là những tiếng chửi, những lời chế giễu sâu cay, tính chất châm biếm bật ra từ sự mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức chúc nhau mà thực ra là để chửi, là để thể hiện sự khinh ghét của nhà thơ trước bọn người hợm hỉnh trong xã hội cũ.**

- Đối với người Việt Nam, như đã trở thành thông lệ, cứ mỗi dịp Tết đến, người ta lại dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp. Họ chúc nhau sống lâu, khỏe mạnh, chúc phát tài, phát lộc, chúc sự no đủ, sang giàu… Lời chúc, vì thế, vừa là một mong ước, một nguyện cầu, vừa là một cách thức ứng xử mang tính văn hóa. Cứ như nhan đề bài thơ “Năm mới chúc nhau” thì phải hiểu là thế. Nhưng đọc vào thì hoàn toàn không phải vậy.

+ Hai câu thơ đầu tiên, tác giả đã khắc họa cảnh chúc thọ:

*“Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau*

*Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.”*

→ Chúc nhau sống lâu trăm tuổi là một lời chúc đẹp. Nội dung lời chúc ở hai câu thơ đầu là thế, nhưng dưới con mắt Tú Xương lại không phải thế. Ta nhận ra đằng sau câu chữ ấy là thái độ châm biếm của nhà thơ khi ông gọi những người chúc là “nó” là “đứa”. Câu thơ “Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu” vốn là lời chúc trang trọng thành kính, thế mà nhà thơ chỉ thêm vào chữ “râu” (bạc đầu râu), câu thơ ấy ngay lập tức hóa thành lời chế nhạo, khôi hài.

+ Thái độ châm biếm còn biểu lộ rõ hơn ở lời toan tính, dự định của nhà thơ:

*“Phen này ông quyết đi buôn cối*

*Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu.”*

→ Cách xưng hô “ông” một cách trịch thượng, hạ những kẻ nhố nhăng xuống hàng đứa, nó, Tú Xương trực tiếp bộc lộ một cái nhìn khinh thị. Nào có hay ho, trang trọng, đẹp tốt gì một lũ bạc đẩu râu và răng không còn nữa. Răng không còn nên phải dùng cối giã trầu, từ đó tiếng cười bật ra thâm thuý, sâu cay.

+ Sau chúc thọ lại đến màn chúc sang, chúc giàu. Vẫn là cái giọng điệu châm biếm, đ Thái độ châm biếm của nhà thơ thể hiện ngay ở việc lặp lại các cụm từ “nó lại, “cái sự giàu” và “sự lắm con”. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ” “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của. Và cùng như hai khổ thơ trên, cứ sau mỗi lời bọn chúng chúc nhau, Tú Xương lại nêu lời bình luận của chính mình. Qua những lời bình luận ấy, nhà thơ thể hiện rõ hơn thái độ và tình cảm của ông. Đọc những lời dự đoán của nhà thơ về bọn đông con, lắm của, nào là “Phen này ắt hẳn gà ăn bạc – Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu” hoặc “Phố phường chật hẹp người đông đúc – Bồng bế nhau lên nó ở non”, người đọc chỉ thấy buồn cười về một hiện thực nhố nhăng, một hiện thực đậm màu hài hước.

→ Qua những vần thơ trào phúng này, người đọc càng thấm tiếng cười của Tú Xương không chỉ “độc” mà còn “thâm” nữa. Xuyên suốt bài thơ là cái nhìn mỉa mai của “ông” dành cho chúng “nó”. Không một chút e dè, kiêng nể, Tú Xương quất thẳng vào chúng những tiếng chửi “ác khẩu” và mạnh mẽ và kích sâu cay, nhà thơ tiếp tục mỉa mai bọn trưởng giả học làm sang:

**á 2. Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ phân tích đánh giá**

**-** Nhan đề thơ nghe có vẻ rất đỗi bình thường, năm mới thì những lời chúc tụng nhau vốn dĩ là chuyện rất nên làm, là những gì quen thuộc nhất khi dịp tết đến xuân về. Nhưng vào thơ của Tú Xương, cái lời chúc tết ấy lại có nhiều điều phải suy nghĩ và khi nghĩ ra rồi người ta mới thấy được cái tiếng cười châm biếm thật sâu cay của “bậc thần thơ thánh chữ” (theo lời Nguyễn Công Hoan).

+ Tác giả đã sử dụng phương thức biểu cảm để làm rõ lên nội dung bài thơ lại là những tiếng chửi, những lời chế giễu sâu cay. Tính chất châm biếm bật ra từ sự mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức chúc nhau mà thực ra là để chửi, là để thể hiện sự khinh ghét.

+ Cách sử dụng từ ngữ xưng hô rất nghệ thuật: xưng “ông”; gọi bọn mua quan, bán tước, ham hố cái sự giàu và “sự lắm con” bằng “nó”, “đứa”… tạo nên tiếng cười châm biếm sâu cay. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ”, “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của.

+ Giọng điệu bài thơ vừa dí dỏm, hài hước vừa chế giễu, châm biếm, đả kích sâu cay.

**3. Kết bài: phân tích đánh giá năm mới chúc**

**-**Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trần Tế Xương được biết đến là cây bút châm biếm, đả kích quyết liệt, dữ dội những bài thơ của ông như những làn roi vút, quất thăng vào bộ mặt của xã hội phong kiến. Ông sinh ra, lớn lên và được trực tiếp chứng kiến thời buổi nhiễu nhương, nhan nhản lũ người nhí nhố, ngang nhiên làm những việc bất chính ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Bức xúc vì không làm gì được, không kìm được nỗi căm uất và khinh ghét đến tột cùng. Tú Xương ném thẳng tiếng cười châm biếm chua cay vào lũ người nọ ngay vào dịp Tết đón xuân về bằng bài thơ *“Năm mới chúc nhau.”*

Vốn là một người thông minh, sáng dạ nhưng khốn nỗi thi cử bao nhiêu lần cũng không đậu. Nguyên nhân bởi xã hội thời bấy giờ đương buổi rối ren loạn lạc quá, cái tài năng của ông bị vùi dập bởi chế độ thuộc địa nửa phong kiến, bởi việc mua quan bán chức ầm ầm. Chính vì bất đắc chí trong việc học hành thi cử mà Trần Tế Xương thường trút hết nỗi niềm của mình vào thơ văn, thơ của ông không buồn mà là những tiếng cười mỉa mai châm biếm rất sâu cay, quất vào mặt bọn cường quyền, thực dân những kẻ chẳng mấy ưa ông và ông cũng ngứa mắt bọn chúng. Dù chỉ được sống 37 năm ngắn ngủi của cuộc đời, lại sống trong cảnh nghèo khó, xã hội nhiễu nhương, nhưng Tú Xương - một trí thức phong kiến đã có một cái nhìn rất chân thực về cuộc sống thời bấy giờ, thông qua những vần thơ trào phúng tưởng là chơi vui nhưng lại hóa hiện thực sâu sắc.

Như thường lệ, cứ mỗi dịp Tết đến, người ta lại dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp. Họ chúc nhau sống lâu, khỏe mạnh, chúc phát tài, phát lộc, chúc sự no đủ, sang giàu… Vì thế lời chúc, vừa là một mong ước, một nguyện cầu, vừa là một cách thức ứng xử mang tính văn hóa. Ấy thế mà có một số người dường như có ý tách ra, đứng ngoài những lời chúc kia, lẳng lặng nghe rồi bình phẩm, đánh giá và giễu cợt. Mới chỉ chạm đến nhan đề thơ nghe có vẻ rất đỗi bình thường, năm mới thì những lời chúc tụng nhau vốn dĩ là chuyện rất nên làm, là những gì quen thuộc nhất khi dịp tết đến xuân về. Nhưng vào thơ của Tú Xương, cái lời chúc tết ấy lại có nhiều điều phải suy nghĩ và khi nghĩ ra rồi người ta mới thấy được cái tiếng cười châm biếm thật sâu cay của "bậc thần thơ thánh chữ"

Bước vào những luống thơ ẩn sâu từng câu chữ là tiếng chửi, tiếng mỉa mai những kẻ mà nhà thơ khinh ghét gọi là "nó". Đọc thơ người ta dễ dàng nhận ra sự mâu thuẫn hài hước giữa nội dung và hình thức, sao nghe câu chúc mà giống câu chửi quá, quả thực là nhà thơ đang chế giễu mấy tên hợm hĩnh lố bịch ấy.

*"Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau  
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu  
Phen này ông quyết đi buôn cối  
 Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu."*

Tú Xương tham gia vào bài thơ với vị trí là người thứ ba nghe chuyện, ông rất từ tốn bình tĩnh "*Lẳng lặng mà nghe",* để xem cái quân giả tạo, thối nát ấy chúc nhau như thế nào, và rồi ông đưa lại vào thơ bằng một giọng tự sự đầy giễu cợt. Cớ sao đã chúc nhau *"trăm tuổi bạc đầu"* mà lại còn thêm chữ "râu" chi cho mất đi cái vẻ trang trọng mà thay vào đó là cái sự kém sang rành rành, bởi người ta chúc đầu bạc chứ chẳng ai chúc râu bạc bao giờ. Đã thế, Tú Xương còn hài hước chêm vào mấy câu tự xưng mình là "ông" xưng người là "thiên hạ", một giọng thơ rất đanh đá, lại có phần hơi thách thức. Thế hóa ra bọn "nó" già đến bạc cả râu, thì chắc răng cũng chẳng còn đâu nhỉ, Tú cứ buôn cối giã trầu thì chắc sớm mà giàu to thôi. Này thì cái bọn chúc nhau mau già, mau rụng răng, thích chí lắm.

Ấy mới chỉ là những câu thơ mở đầu, ông Tú còn thể hiện cái sự căm ghét thói đời mà tiền đặt lên trên tất cả, đến quan chức mà có tiền mua thì cũng xong:

*"Lẳng lặng mà nghe nó chúc sang  
Đứa thì mua tước, đứa mua quan  
Phen này ông quyết đi buôn lọng  
Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng."*

Tú Xương nghe chúng nó chúc nhau sao sang quá, cái sang của bọn ngu dốt lại thích màu mè, chúng cứ tưởng có cái chức quan mua được bằng những đồng tiền bóng lộn ấy trong cái xã hội nửa nạc nửa mỡ này là "sang" lắm, ngon lắm. Nhưng chúng nào có biết được chúng chỉ như đang làm trò hề trong mắt Tú, những kẻ đã kém cỏi từ tâm hồn đến trí tuệ ấy thì cho dù có đắp bao nhiêu phục trang lộng lẫy, hay mũ cánh chuồn úp đầu cũng chẳng khiến người ta nể nang cho được. Bởi chúng chỉ giống như mấy con khỉ thích giả làm người bằng mấy bộ đồ đi vay đi mượn, hoặc đi mua được. Qủa thực có mấy ai thèm, trừ lũ trưởng giả thích làm sang, thích tự bôi vẽ cái vẻ sang trọng quyền quý hài hước lên khuôn mặt bại hoại của chính bản thân mình. Câu thơ chốt hạ "*Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng"* của Tú Xương thật khiến cho người đọc được hả hê, phải bật cười bởi cái lũ kém sang ấy nào có biết đến việc ăn nói điềm tĩnh tử tế của bậc nho gia, chúng chỉ biết chửi, biết la như những kẻ đầu đường xó chợ. Thật hài hước sâu cay quá. Ôi đã nhiều quan chức đến thế, thì Tú ta buôn lọng cũng khối tiền. Sống lâu và sống sang là nội dung của hai lời chúc đầu. Nhưng qua hai lời chúc ấy lại thấy tất cả sự nhếch nhác, bệ rạc của bọn người này. Đã thế nhà thơ còn bồi thêm cho chúng những cú đòn ê ẩm liên tiếp.

Nếu như hai lời chúc đầu là chúc sống lâu và sống sang thì hai khổ thơ tiếp cùng chúc nhau “cái sự giàu” và “sự lắm con”.

*"Nó lại mừng nhau cái sự giàu  
Trăm nghìn vạn mớ để vào đâu  
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc  
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.  
Nó lại mừng nhau sự lắm con  
Sinh năm đẻ bẩy được vuông tròn  
Phố phường chật hẹp người đông đúc  
Bồng bế nhau lên nó ở non."*

Nhà thơ chế giễu mấy cái mừng, mừng sự giàu, mừng lắm con nhiều cháu. Tiền bạc mà vào miệng của Tú thì cũng như "mớ" rau dưa, lộn xộn, để gà cũng ăn được. Rồi thì con cháu nhà quan lại mà cũng "sinh năm đẻ bảy" chẳng khác mấy đám ô hợp. Ôi, theo cái dự đoán của Tú thì phen này chúng nó đẻ lắm chỉ để ăn sao cho cốt hết số tiền bẩn thỉu do bọn ông cha hám tiền của chúng làm ra. Riết rồi cái lũ sâu bọ ấy đông đúc quá, phố phường cũng chẳng kham nổi lại phải bồng bế nhau lên núi mà ở thôi, chứ nơi nào chứa cho hết cái lũ chỉ quen bịp bợm của người dân nghèo khó. Thái độ châm biếm của nhà thơ thể hiện ngay ở việc lặp lại các cụm từ “nó lại, “cái sự giàu” và “sự lắm con”. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ” “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của. Và cùng như hai khô thơ trên, cứ sau mỗi lời bọn chúng chúc nhau, Tú Xương lại nêu lời bình luận cùa chính mình. Qua những lời bình luận ấy mà nhà thư thể hiện rõ hơn thái độ và tình cảm của ông. Không hiểu sao dọc nhừng lời dự đoán của nhà thơ về bọn đông con, lắm của, nào là “Phen này ắt hẳn gà ăn bạc - Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu” hoặc “Phố phường chật hẹp người đông đúc - Bồng bế nhau lên nó ở non”, người đọc chỉ thấy buồn cười về một hiện thực nhố nhăng, một hiện thực đậm màu hài hước. Giống như Hồ Xuân Hương và các nhà thơ đậm chất hiện thực dân gian khác. Mở đầu cho chủ nghĩa hiện thực trong thơ ca của Tú Xương bằng nghệ thuật trào phúng với con mắt rất tinh, rất sâu, nhìn vào đâu là bắt chộp được cái điển hình nhất. Chất trào phúng hoà vào vần thơ một cách tự nhiên, mang nhiều sắc điệu vừa bông đùa hóm hỉnh, vừa chua chát, xót xa. Năm mới chúc nhau là một trong những bài thơ đặc sắc, tiêu biểu cho khuynh hướng và nguồn mạch châm biếm trào phúng của nhà thơ Trần Tế Xương. Đó là những lời “chúc Tết” hết sức độc đáo dưới một hình thức cũng hết sức độc đáo: chúc mà thực ra là chửi, là châm hiếm. Tuy là chửi mà vẫn thành thơ, và lại là thơ hay. Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và châm biếm được truyền tải bằng thể thơ thất ngôn Đường luật, cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn Tú Xương tỏ ra là một nghệ sĩ bậc thầy ở một cái Tâm lớn tràn đầy yêu thương, cảm thông vị tha, nhưng đầy thâm sâu, có mỉa mai, chua chát, nói như thơ hiện đại của Xuân Diệu "yêu và căm hay đợt sóng dâng trào", có đau đớn, xót xa nhưng dường như được nuốt vào trong để nghĩ suy nghiền ngẫm.

Trang thơ khép lại mà tiếng chuông cảnh tỉnh, phê phán ấy, thái độ thẳng thắn ấy, xét đến cùng, bắt nguồn từ một khao khát nhân bản: làm sao để cho cuộc đời được tốt đẹp hơn, làm sao phải xóa sạch kiểu chúc Tết khác *“giống người”* mà chắc chắn, hơn một lần Tú Xương đã phải đau lòng chứng kiến.

Đọc thơ của Tú Xương, người ta thấy hiện lên rõ mồn một cái hiện thực oái oăm, hài hước của lũ người nhố nhăng trong cái xã hội tạp nham đủ thứ người, thứ chuyện, tưởng như đùa. Qua đó, người ta cũng thấy được cái cảnh cơ cực, khổ sở của nhân dân thời bấy giờ, phải chịu sống dưới sự chèn ép của bọn người ô hợp. Những tiếng cười chế giễu như thứ vũ khí đâm thẳng vào mặt bọn cầm quyền ngu si, mà chúng tuy cay cú cũng chẳng thể làm gì được. Bài thơ mang lại cho bạn đọc một tình cảm hả hê, sung sướng, bõ hờn, bõ tức. Nó cũng gợi lên nhiều cảm hứng khiến người đọc dễ “nhại” và muốn “nhại” theo cái giọng điệu trào phúng châm biếm của ông mỗi khi gặp cảnh chướng tai gai mắt ở đời. Vì vậy mà có người đã “bắt chước” làm thêm mấy câu thơ nối tiếp vào bài thơ trên, đọc lên nghe chẳng khác gì của chính nhà thơ, đây chính là bằng chứng hùng hồn về sức sống của hài thơ.

**ĐỀ 2: Phân tích bài thơ Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến)**

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Khuyến và bài thơ Ông phỗng đá.

+ Là một nhà thơ lớn, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

+ Thơ của ông nói lên tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, phản ánh cuộc sống thuần khổ của nông dân, châm biếm đả kích tầng lớp thống trị, đồng thời bộc lộ tấm lòng ưu ái với dân, với nước.

+ Bài thơ “Ông phỗng đá” - đỉnh cao chói sáng trong thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến.

+ Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát về hoàn cảnh/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:**

- Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam.

- Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.

**b. Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ**

**\* Hai câu thơ mở đầu: miêu tả chân dung ông phỗng đá**

+ Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca.

+ Câu thơ mở đầu “Ông đứng đó làm chi hỡi ông?” vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm.

+ Câu thơ thứ hai như mở ra hình ảnh của ông phỗng đá. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “ như đá’, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.

=> Hai câu thơ với nghệ thuật chủ yếu là so sánh, câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.

**c. Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:**

+ Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.

+ Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?

+ Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy vơi có biết không” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.

- Hình ảnh “Non nước đầy vơi” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy vơi như nào, mà nó còn phản ánh cái thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thuở đó.

=> Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.

**d. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng**

- Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình.

- Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương.

- Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc.

- Câu hỏi tu từ được sử dụng ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời.

=> Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.

**\* Bài thơ là bức tranh phê phán xã hội phong kiến**

- Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, cơ đồ nhà Nguyễn dường như sụp đổ hoàn toàn. Đó là cái xã hội với những biểu hiện lố lăng, kịch cợm.

- Chính xã hội ấy khiến Nguyễn Khuyến trăn trở và luôn phê phán, trong bài thơ đã làm nổi bật cái thực trạng xã hội: triều đình, quan lại bù nhìn trước cuộc sống cùng cực của người dân.

- Để có được cái nhìn ấy, thì chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị tác phẩm, nêu suy nghĩ của bản thân.

+ Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân

+ Lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam, được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình, làng cảnh Việt Nam”. Thơ của ông nói lên tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, phản ánh cuộc sống thuần khổ của nông dân, châm biếm đả kích tầng lớp thống trị, đồng thời bộc lộ tấm lòng ưu ái với dân, với nước. Trong số tác phẩm đặc sắc đó, không thể không kể đến bài thơ “*Ông phỗng đá”* đỉnh cao chói sáng trong thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến. Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.

Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam. Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.

Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca. Với Nguyễn Dư là “thằng phỗng, ông phỗng”, còn đối với Nguyễn Khuyến - người để ý tới phỗng nhiều nhất lại là hình ảnh ông phỗng đá đang đứng cô đơn, lẻ bóng trên hòn non bộ ở giữa hồ. Hai câu thơ đầu là câu hỏi tu từ khắc họa hình ảnh ông phỗng đá:

*“Ông đứng đó làm chi hỡi ông?*

*Trơ trơ như đá, vững như đồng”*

Câu hỏi tu từ ngay khi vừa mở đầu vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm của tác giả. Câu thơ cất lên phải chăng như một sự thăm dò công việc của ông phỗng đá. Thán từ “ hỡi” kết hợp với đại từ “ông” làm cho câu thơ mang giá trị biểu cảm cao, bộc lộ cảm xúc dâng trào. Tác giả hỏi ông phỗng đá đứng đó làm gì, dường như cũng có thêm sự mỉa mai, bởi vì chính bản thân ông phỗng đá cũng đâu biết mình đang làm công việc gì. Câu thơ tiếp theo càng làm rõ thêm bức chân dung về ông phỗng đá:

*“Trơ trơ như đá, vững như đồng”*

Từ láy “trơ trơ”, kết hợp với hình ảnh so sánh “ như đá”, “vững như đồng” càng làm rõ nét thêm hình ảnh của ông phỗng đá. Đó phải chăng là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hình ảnh ông phỗng đá trơ trơ không quan tâm tới xung quanh, lúc nào cũng vậy, cũng đứng đó như một kẻ bù nhìn? Hay là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực đó, chỉ biết như “ông phỗng đá” kệ mặc cuộc sống của những con người cùng cực ấy. Những dòng thơ trào phúng mang giọng điệu phê phán của Nguyễn Khuyến không chỉ xuất hiện trong những câu thơ trên, mà nó như một nỗi ám ảnh, day dứt, khiến nhà thơ trăn trở mãi, và nó còn xuất hiện trong bài “Lời vợ anh phường chèo”:

*“Vua chèo còn chẳng ra gì*

*Quan chèo vai nhọ khác chi thằng hề”*

Hai câu thơ tiếp theo mở ra giúp ta hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:

*“Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?*

*Non nước đầy vơi có biết không?*

Cả bài thơ có bốn dòng thơ, nhưng lại tới ba câu là câu hỏi tu từ. Ba câu hỏi dồn dập nhau với nhiều ý tưởng: Ông phỗng đá đứng đó làm chi vậy? Trước mặt ông phỗng đá là giang sơn gấm vóc của Tổ tiên nhà, có phải muốn canh chừng, giữ gìn cho ai đó chăng? Và cái mảnh giang sơn đó giờ như nào? Hắn có biết chăng? Các câu hỏi dồn dập nhau, ý chừng cụ Tam Nguyên Yên Đổ như muốn khuynh đáo pho tượng, bắt buộc ông phỗng đá phải đáp lại, phải thốt lên thành lời..Nhưng ông phỗng đá sao trả lời được..Những câu hỏi ấy của nhà thơ như là lời tự trào, như một tiếng hú, tiếng kêu thất thanh trong nhân loại.Câu thơ “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?”, ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn? Câu thơ cuối cùng như là một sự trách móc khéo léo mà thâm thúy của nhà thơ:

*“Non nước đầy vơi có biết không?”*

Hình ảnh “non nước đầy vơi” gợi mở ra nhiều ý nghĩa. Non nước đầy vơi ấy không chỉ là hình ảnh giang sơn, núi đầy vơi như nào, khung cảnh ra sao. Mà “non nước đầy vơi” ở đây chính là cái thực trạng xã hội khi đó Nguyễn Khuyến sống. Đó là cái xã hội phong kiến đầy biến động: Thực dân Pháp đang rêu rao xâm lược, triều đình thì bạc nhược, quan lại thì bù nhìn, các phong trào đấu tranh yêu nước thì dập tắt. Với việc sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu tiếp ở đây không chỉ thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm của tác giả trước sự vô cảm, vô trách nhiệm của đám quan lại, triều đình phong kiến trước an nguy của đất nước, sự suy vọng của dân tộc. Mà phải chăng đó là sự tự trách mình của chính nhà thơ? Nguyễn Khuyến thấy mình như một kẻ thừa thãi trong guồng máy thống trị phong kiến. Ông trách mình vô dụng, trách bản thân cũng như một ông phỗng, cũng chỉ biết đứng nhìn chứ không giúp gì được cho dân, cho nước. Giọng điệu thơ của tác giả nhẹ nhàng, mà thâm thúy khác hẳn với tiếng trào phúng đầy suồng sã, chua cay, dữ dội của Tú Xương trong bài “Ông cử Nhu”:

“*Sơ khảo trường Nam bác cử Nhu*

*Thật là vừa dốt mà lại vừa ngu”*

Lê-ô-nit Lê-ô-nốp từng nói: “Mỗi tác phẩm không chỉ là một khám phá về nội dung, mà còn là phát minh về hình thức”. Quả đúng như vậy, bài thơ “Ông phỗng đá” không chỉ hấp dẫn người đọc bởi nội dung đặc sắc, mà còn bởi nghệ thuật vô cùng đọc đáo của Nguyễn Khuyến trong thơ trào phúng. Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ. Không những thế, tác giả còn sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt hết sức tài tình, ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương. Các từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc. Đặc biệt, là cách sử dụng câu hỏi tu từ ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời. Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của những người dân thấp cổ bé họng.

Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến với những biểu hiện lố lăng, kệch cỡm. Ở đó mọi giá trị đạo đức truyền thống đã bị đảo lộn, còn cái mới lại mang bộ mặt của kẻ xâm lược. Ngòi bút thâm trầm mà sâu cay của Nguyễn Khuyến đã chĩa mũi nhọn vào những chỗ hiểm yếu nhất của cái ung nhọt ấy. Trong “Ông phỗng đá” nhà thơ đã đem ra trào phúng, châm biếm, hình ảnh triều đình, quan lại, bạc nhược thờ ơ trước những nỗi đau khốn cùng của người dân. Để có được sự thành công khi sử dụng lối trào phúng ấy, chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước. Tính tự trào của bài thơ cũng hé mở cho ta nhận thấy, nghe thấy, chứng kiến cuộc đối thoại của nhà thơ với chính mình – tiếng nói phản tỉnh của một người trong cuộc. Đó cũng chính là tiếng nói phản chính thống, một hành vi tưởng như là nói ngược nhưng thực chất lại phản ánh một cách chính xác nhất bản chất của xã hội và sự tha hóa của lớp người đại diện cho tinh hoa của thể chế đương thời.

Tuy chỉ là một bài thơ ngắn, thế nhưng tác phẩm không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân. Chính vì thế, lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

**Đề 3: Phân tích bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đồng” của Hồ Xuân Hương**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ.

- Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn nổi tiếng với một hồn thơ phóng khoáng, được mệnh danh là “Bà chúa thơ nôm”

- Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống ra đời từ sự bức xúc khi bà nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt: một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn mà vẫn được lập đền thơm bà đã không ngại ngần cất tiếng cười giễu cợt.

**2. Thân bài**

**a. Phân tích nhan đề và đề tài**

- Chữ "đề" trong nhan đề bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp “tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường.

- Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn đâu có được ngợi ca mà là đả kích, khinh thường.

**b. Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.**

**\* Hai câu đầu:** Tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết.

*“Trăm năm bia đá chẳng mòn*

*Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.*

Bà ứng khẩu thành thơ: “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”.*

- “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn.

- Nữ sĩ tả qua ngôi đền, tả thực bằng hai nét: mặt tiền là cái “bảng treo”, thế đứng của ngôi đền rất “cheo leo”, không chút uy nghi, vững vàng, lại heo hút! Những đền đài tráng lệ thường treo đại tự, hoành phi sơn son thiếp vàng, nhưng đền Sầm Nghi Đống chỉ có cái “bảng treo”, tầm thường quá! Một nét vẽ châm biếm thân tình – Hai tiếng “Thái thú” là một lời kết tội đanh thép đối với bọn quan lại tướng tá Thiên Triều, lũ con cháu của Tô Định, Mã Viện… ngày xưa.

**\* Hai câu cuối**

*“Ví đây đổi phận làm trai được*

*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu”*

- Cái ý nghĩa “đổi phận làm trai” đã thể hiện cái mặc cảm phụ nữ đối với nam giới trong xã hội phong kiến đã áp đặt vào ý thức nhà thơ. Nhưng mặt khác, nó cũng thế hiện nhu cầu đổi phận, không chịu an phận của bà.

- Cái cách bà tự xưng là đây để đổi lại với Sầm Nghi Đống là đấy, thì dù bà chưa đổi phận được, bà cũng đã rất coi thường vị nam nhi họ sầm.

- Câu kết Hồ Xuân Hương tự cho mình có thể làm gấp nhiều lần, so với sự nghiệp của tên thái thú họ Sầm, song đúng hơn, nên biểu hiện một lời dè bỉu: sự nghiệp của ông có bấy nhiêu thôi ư, nó quá ít đối với một đấng nam nhi đấy!  
  
**c. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.**

- Từ *“kìa”* hàm ý chỉ trỏ, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngắm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thèm lại gần.

- Từ “*cheo leo”* vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng.

=> Câu thơ cho thấy dù là một viên tướng được thờ phụng, dù là một ngôi đền được xây cao thì trong mắt của nữ thi sĩ đó là một thứ rẻ rúng, coi thường và sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền đã biến mất sạch sẽ trong mắt nữ thi sĩ.

**3. Kết bài**

- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

- Đề đền Sầm Nghi Đống là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược, góp phần củng cố thêm lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam.

- Bài thơ cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương – một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu “Bà Chúa Thơ Nôm”.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong nền văn học trung đại Việt Nam, đã từng được mệnh danh là *"Bà chúa thơ Nôm".* Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói của người phụ nữ trong xã hội cũ, lên tiếng đòi quyền bình đẳng, phản kháng sự coi khinh người phụ nữ trong chế độ nam quyền. Tiếng nói ấy đã vang lên trong bài thơ “*Đề đền Sầm Nghi Đống”* của bà.

Sầm Nghi Đống là tên thái thú đất Diễn Châu, Trung Quốc, tùy tướng của Tôn Sĩ Nghị trong cuộc xâm lược Việt Nam năm 1789. Ông được giao giữ đồn Khương Thượng, Đống Đa. Khi bị quân Tây Sơn đánh, ông không chống cự được nên đã thắt cổ tự tử. Để giữ mối quan hệ bang giao hai nước, Quang Trung cho người Hoa lập miếu thờ Sầm Nghi Đống tại phía sau phố Hàng Buồm ngày nay. Có nhiều tài liệu lại nói, Sầm Nghi Đống được giao trấn thủ Ngọc Hồi, đồn Ngọc Hồi thất thủ, Sầm Nghi Đống tự tử. Về sau có đền thờ ở gò láng Ngọc Hồi. Nhân một dịp đi qua, Hồ Xuân Hương đã làm bài thơ này.

Mở đầu bài thơ, Hồ Xuân Hương đã biểu thị một cái nhìn thiếu trân trọng đối với ngôi đền:

*“Ghé mát trong ngang thấy bảng treo*

*Kìa đền thái thú đứng cheo leo”*

Hai câu đầu tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ. Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết.

*“Trăm năm bia đá chẳng mòn*

*Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.*

Bà ứng khẩu thành thơ: “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”.* “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. Từ láy “cheo leo” là một từ đặc sắc, nó chỉ một thế đứng cao nhưng không có nơi bấu víu, dễ đổ ụp xuống. Chữ “kìa” cũng hàm ý bất kính, bởi nó kèm theo các động tác chỉ trỏ, mà đối với các nơi đền đài linh thiêng người đến viếng không được nói to, giơ tay chỉ trỏ như đối với đồ vật. Với hai câu thơ ấy, Hồ Xuân Hương đã tước bỏ hết tính chất thiêng liêng, cung kính của một ngôi đền. Hồ Xuân Hương không chỉ nhìn ngang chỉ trỏ trước một ngôi đền, bà lại còn tự ví mình, so sánh mình với người được thờ nữa:

*“Ví đây đổi phận làm trai được*

*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu”*

Hai câu thơ cuối trong bài thơ, thể hiện sự mỉa mai, khinh bỉ của tác giả đối với những trang nam nhi vô dụng nói chung và đối với tướng giặc hèn hạ Sầm Nghi Đống nói riêng. Đồng thời hai câu thơ cũng là tiếng nói tự tin của người phụ nữ. Nếu họ được đổi phận làm trai thì há chịu thua một đấng nam nhi nào, thì sự nghiệp anh hùng chẳng phải chỉ như vậy. Đọc hai câu thơ chúng ta đều đồng tình với thái độ, với tiếng nói của Hồ Xuân Hương, của người phụ nữ sống trong xã hội có nam có nữ, người phụ nữ khát khao được sống bình đẳng, được có quyền ngang hang với đàn ông để mang trài trí của mình ra giúp nước. Họ tin rằng mình cũng có thể lập nên sự nghiệp vẻ vang. Người phụ nữ lên tiếng chống đối lại chế độ *"trọng nam khinh nữ "*. Tiếng nói ấy là rất đúng. Đó là tiếng nói chung của ngưởi phụ nữ muốn đập bỏ tư tưởng nam quyền, coi khinh phụ nữ để vươn lên sự công bằng, bình đẳng, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ là người phải chịu nhiều đau khổ, thiệt thòi nhất. Họ bị khinh rẻ chà đạp, họ không có quyền tham gia các công việc xã hội. Nhiều người phụ nữ tài ba, giỏi dang, hiểu rộng, biết nhiều hơn bao nhiêu người đàn ông khác, nhưng vẫn bị khinh rẻ vì họ là đàn bà. Xã hội cứ coi trọng một đàn ông dốt nát hơn một người đàn bà tài giỏi. Tài năng của người phụ nữ không được xã hội thừa nhận, họ không có quyền tham gia việc nước. Hồ Xuân Hương và bao nhiêu phụ nữ tài trí hơn mình mà vẫn phải chịu cảnh "*bảy nổi ba chìm"* lênh đênh trong xã hội thối nát. Do đó người phụ nữ mong ước trở thành nam nhi để có thể lập sự nghiệp anh hùng. Họ muốn quẫy đạp, muốn thoát ra khỏi sự tù túng của xã hội, thoát ra khỏi tư tưởng phong kiến đã vùi dập họ. Nhưng chế độ xưa có nhiều bất công, người phụ nữ không được làm những điều mình muốn. Tuy vậy họ vẫn tự tin, vẫn khao khát được quyền bình đẳng. Cách nhìn của tác giả về người phụ nữ rõ rang là mới mẻ. Người phụ nữ không chỉ thủy chung, đảm đang, mà còn là người phụ nữ anh hùng. Rõ Ràng Hồ Xuân Hương có cái nhìn tiến bộ đối với phụ nữ trong chế độ cũ, bà lên tiếng khẳng định phẩm hạnh và tài năng của những người cùng giới.

Hai câu thơ đó là tiếng nói tự tin của người phụ nữ, là sự khinh bỉ của họ đối với hạng người mang hình dáng nam nhi không xứng mặt nam nhi. Trong bài thơ tác giả muốn đổi phận làm trai để tạo lập sự nghiệp anh hùng. Đó là một tư tưởng mới trong xã hội phong kiến, nhưng chẳng cần "đối phận làm trai " người phụ nữ vẫn làm nên sự nghiệp, nếu như họ có ý chí quẫy ra khỏi sự rang buộc vô lý của xã hội, Trong lịch sử đã có nhiều tấm gương phụ nữ anh hùng như bà Trưng vì nợ nước, thù nhà đã nổi dậy lãnh đạo nghĩa quân đánh đuổi quân xâm lược, để đến nay chúng ta còn thấy tự hào. Rồi bao người phụ nữ khác như Triệu Thị Trinh, như vợ Đề Thám, rồi vợ Cai Vàng đã lập nên sự nghiệp anh hùng đâu cần phải đổi phận làm trai. Rõ ràng Hồ Xuân Hương mới chỉ mơ ước *"Ví đây*" chứ chưa khẳng định thực hiện, chưa dám quẫy đạp, phá tan luật lệ cổ hủ của chế độ phong kiến để giành lấy quyền bình đẳng cùng sánh vai ới nam nhi làm nên sự nghiệp anh hùng. Mặt khác, sự nghiệp anh hùng đâu chỉ là đánh giặc, việc quốc sự, mà còn thể hiện ở những cái bình dị nhất trong đời thường. Chính Hồ Xuân Hương đã làm nên sự nghiệp. Sự nghiệp văn chương đến ngày nay chúng ta không khỏi khâm phục. Bằng ngòi bút của mình Xuân Hương đã kích tầng lớp quan lại thối nát, sa đọa, mỉa mai những kẻ vô dụng bất tài, và biết khám phá ra vẻ đẹp của những lớp người bị khinh rẻ. Rõ ràng Xuân Hương là một trong số phụ nữ trong xã hội cũ đã lập nên sự nghiệp anh hùng trong lĩnh vực văn chương. Tuy nhiên những người phụ nữ trong thơ bà vẫn chưa vượt được sự bế tắc, bà vẫn chỉ mơ ước thôi chứ chưa có hành động phản kháng, một phần, có lẽ do những hạn chế của tư tưởng phong kiến không phải là không có trong nữ thi sĩ nổi danh này. Người phụ nữ thời nay đã khác nhiều so với phụ nữ thời xưa, xã hội đã mang đến cho họ sự bình đẳng, công bằng, họ có thể trực tiếp tham gia vào các công tác xã hội. Xã hội chúng ta đã thực sự cởi bỏ những ràng buộc xưa cho người phụ nữ, tạo điều kiện cho họ phát triển tài năng.

    "Bà chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương là người đã góp phần tích cực vào tiếng nói phản kháng xã hội của người phụ nữ xưa, là người đã lên tiếng đòi quyền bình đẳng mơ ước được cống hiến cho nước non. Tư tưởng hết sức tiến bộ ấy của bà quả là hiếm thấy trong xã hội cũ. Hai câu thơ kết ở bài Đề đền Sầm Nghi Đống của bà là một nấc đánh giá bước đầu vươn lên sự bình đẳng của người phụ nữ.

**ĐỀ 4: Phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh dậu” - Trần Tế Xương**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả và bài thơ

- Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chướng tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.

**2. Thân bài**

***a. Hai câu đề (Cuộc thi năm Đinh Dậu)***

- Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:

Nhà nước ba năm mở một khoa,

Trường Nam thi lẫn với trường Hà.

- Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “lẫn” – lẫn lộn tùng phèo – đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.

***b. Hai câu thực (Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí)***

- Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.

- Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).

**- Hình ảnh sĩ tử** chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ.

- Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này.

- Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “nho phong sĩ khí”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.

**- Hình ảnh quan trường** xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ "ậm oẹ" biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cổ họng nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ "ậm oẹ" giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.

***c. Hai câu luận (Bộ mặt của bọn thực dân)***

- Hình ảnh quan sứ và mụ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: "Váy lê quét đất mụ đầm ra". Biện pháp đảo ngữ: Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mụ đầm ra cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.

- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.

- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mụ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi Đinh Dậu.

***d. Hai câu kết (Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả)***

- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:

Nhân tài đất Bắc nào ai đó

Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đinh Dậu – nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ "nước nhà" đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.

**3. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ Vịnh khoa thi Hương

- Nêu những cảm nhận riêng của em.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Trần Tế Xương cay nhất là chuyện thi cử. Tài giỏi như ông mà phải đến lần thi thứ tám mới đậu vét được cái tú tài. Mà Tú tài thời đó thì được tiếng là “ông Tú” nhưng chỉ được “làm quan tại gia”, “ăn lương vợ”. Nhưng không được thênh thênh trên đường hoạn lộ chưa hẳn đã là rủi, thì ông Tú Xương làm thơ, làm thi sĩ, thành thi hào! Bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là một đòn trời giáng của Tú Xương vào chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta:

Là sĩ tử, cũng là nạn nhân trong kì thi Hương năm Đinh Dậu (1897), tại Nam Định, Trần Tế Xương tận mắt chứng kiến sự suy đồi của Nho học, đau lòng trước nỗi ô nhục của tài tử văn nhân đât Bắc. Cho nên mở đầu bài thơ, tác giả đã phê phán sâu sắc nhà nước thực dân phong kiến thời bấy giờ:

*“Nhà nước ba năm mở một khoa*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà”*

Tác giả nói “nhà nước” một cách trang trọng như vậy nếu những việc làm của “nhà nước” mà tô't đẹp thì là ngợi ca, còn nếu nói đến những việc làm của “nhà nước” không ra gì thì là “hạ bệ”. Rõ ràng là Tú Xương đã “hạ bệ” cái “nhà nước” thực dân phong kiến đó bằng sự kiện “ba năm mở một khoa”. Dưới sự cai trị của “nhà nước” thực dân, đạo học (chữ Nho) đã mạt vận. “nhà nước” chỉ mở kì thi cầm chừng, hổ lốn, mất hết vẻ trang nghiêm của kì thi quốc gia: “Trường Nam thi lẫn với trường Hà”. Sợ mất an ninh ở Hà Nội, “nhà nước” thực dân đã lùa sĩ tử Hà Nội xuống Nam Định “thi lẫn” với sĩ tử trường Nam. Chỉ một từ “lẫn”, Tú Xương phơi bày cả sự đổ nát của kì thi quốc gia và phê phán “nhà nước” vô trách nhiệm.

Sang hai câu thực, sĩ tử và quan trường được nhà thơ Tú Xương biếm họa rất tài tình:

*“Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*

*Ậm ọe quan trường miệng thét loa”*

Tú Xương có biệt tài mà Nguyễn Công Hoan tôn như “thần thơ thánh chữ” là chỉ trong một chữ đã lột tả được thần thái của sự vật. Chỉ một từ “lôi thôi” được đảo ra phía trước, nhấn mạnh là hình ảnh của sĩ tử bị chìm trong sự nhếch nhác. Sĩ tử mà bút mực đâu không thấy, chỉ nổi bật lủng lẳng một cái lọ (vì đường xa, phải đeo theo lọ nước uống). Hàng ngàn “sĩ tử vai đeo lọ” thì lôi thôi thật, là bức tranh biếm họa để đời về anh học trò đi thi trong thời buổi thực dân nhô’ nhăng. Còn quan trường thì “ậm ọe” giọng như mửa. Sĩ tử thì đông vì dồn cả hai trường thi lại nên quan trường phải “thét loa” lại còn lên giọng đe nẹt sĩ tử nên thành ra “ậm ọe” tởm lợm thật đáng ghét. Thái độ trào lộng của nhà thơ thật rõ ràng. Đô'i với “sĩ tử”, Tú Xương thấy nhếch nhác đáng thương; đối với “quan trường”, Tú Xương khinh ghét ra mặt. Quan trường của một kì thi quốc gia bát nháo mà còn “ậm ọe” không biết nhục.

Tú Xương còn ghi lại một hiện tượng chưa từng thấy trong lịch sử thi cử của nước nhà là “khoa thi Đinh Dậu”, có cả Tây đầm nhon nháo ở trường thi:

*“Cờ cắm rợp trời quan sứ đến*

*Váy lê phết đất mụ đầm ra”*

“Cờ cắm” hay “Lọng cắm”? Sách giáo khoa hiện hành chép là “Cờ cắm”, có chú thích là: có bản chép: “Lọng cắm”. Thơ Tú Xương gần với thơ ca dân gian, nhà thơ sáng tác không in ấn, không xuất bản, người đời nghe rồi ghi lại nên dễ “tam sao thất bản”. Trong những trường hợp có dị bản như thế này thì buộc người đọc, người nghiên cứu phải lựa chọn. Người soạn sách giáo khoa chọn “cờ cắm” để đối với “váy lê” ở câu dưới cho thật độc. “Cờ” mà đối vởi “váy” độc quá! Theo tôi, “lọng cắm” hay hơn:

*“Lọng cắm rợp trời quan sứ đến”*

Quan sứ (công sứ Nam Định Lơ Nóocmăng, đèn dự lễ xướng danh khoa thi Hương hẳn là phải có “lọng cắm rợp trời” mà “lọng cắm” thì mới “rợp trời”. Còn vế đối “Lọng cắm rợp trời” với “váy lê phết đất” cũng chỉnh quá, mà độc địa không kém. Lọng là cái che trên đầu “quan sứ” mà lại đôi với “váy” là cái che dưới mông “mụ đầm”! “Quan sứ” đến”, “mụ đầm ra”, chúng nó “đến”, nó “ra” như thế thì nhục quá, không chịu được, Tú Xương đã chơi một đòn trí mạng vào bọn Tây đầm thực dân nhốn nháo vào cái thời buổi nhô' nhăng! Tú Xương ác khẩu trong cách đối chữ đôi câu, cái tôn nghiêm đem đọ với những cái không tiện hô đúng tên thật, ông lợm sự sông, ông cho lộn tùng phèo cả đi. Nghĩ về người quan văn người quan võ thời nhí nhô' ấy, ông đem cái võng (võng điểu võng thắm) ra mà đối với cái khố dây (khố đỏ khố xanh). Tường thuật việc trường thi chữ nho có Tây đến ra bài, ông đem cái lọng quan sứ mà đối với cái váy mụ đầm, đem cái đít vịt bà đầm ra đô'i với cái đầu rồng một ông cử dô't đang lạy tạ mũ áo vua ban... (Nguyễn Tuân).

Kết thúc bài thơ, tác giả chuyển từ giọng điệu trào lộng sang giọng điệu trữ tình thâm trầm. Tú Xương đau lòng nhắn nhủ với “nhân tài đất Bắc”:

*“Nhân tài đất Bắc nào ai đó*

*Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”*

Giọng trữ tình thấm thìa ấy như có sự cộng hưởng của giọng điệu trữ tình đầy nhiệt huyết của các nhà ái quốc đầu thế kỷ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... Tất nhiên trong giọng điệu chung của những tâìn lòng ái quô'c ấy, ta vẫn nhận ra sắc thái riêng của Tú Xương. Khi thì xót xa thổn thức “Nhân tài đất Bắc nào ai đó”, khi thì kiêu bạc trịch thượng “Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”. Không dễ gì mà hạ một chữ “ngoảnh cổ” như vậy đối với giới trí thức Bắc Hà. Phải có chân tài và quan trọng hơn nữa là phải có tấm lòng đô'i với đất nước, với dân tộc thì nhân tài đất Bắc mới tâm phục. Đúng là tâm sự yêu nước thổn thức của Tú Xương là vật bảo chứng cho những gì là lộng ngôn của nhà thơ:

*“Trời không chớp hể chẳng mưa nguồn*

*Đêm nảo đêm nao tớ củng buồn”*

*(Đêm hè)*

Dưới mắt Tú Xương, sự suy đồi của đạo học (chữ nho) là một hiện tượng của sự mất nước, của sự nô lệ. Với Tú Xương, nỗi nhục trong “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là nỗi nhục mất nước! “Theo tôi nghĩ, thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thế’ hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đông tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một cái điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian, thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp” (Nguyễn Tuân).

“Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” của Trần Tế Xương là “sử thi” về đời sống nhà nho lúc Tây sang. Đạo học suy đồi, thi cử bát nháo hố’ lốn, sĩ tử mất hết nhuệ khí, quan trường mất hết nhân cách. Bọn thực dân nghênh ngang đến trường thi là một nỗi ô nhục của nhân tài đất Bắc. Nỗi đau của nhà thơ đã làm thức tỉnh tầng lớp trí thức đương thời.

Nghệ thuật trào lộng và trữ tình của Tú Xương đều sâu sắc, thấm thìa. Đối với sĩ tử, nhà thơ thương mà cười, đối với quan trường, nhà thơ căm ghét mà châm biếm, đối với bọn thực dân, nhà thơ căm thù mà đả kích, hạ nhục. Từ ngữ, hình ảnh, âm điệu, bút pháp của bài thơ bộc lộ tài hoa của một hồn thơ lỗi lạc. Đúng như lời ngợi ca của Yên Đổ:

*“Kia ai chín suối xương không nát*

*Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn”*

Bằng nghệ thuật trào phúng thâm thúy, ngôn ngữ miêu tả sắc cạnh, phép đối tài tình, giọng điệu mỉa mai rồi trữ tình chua xót, bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã tái hiện một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu ở nước ta, đồng thời tác giả nói lên tâm sự của mình một cách chua chát trước cảnh tình đất nước.

**ĐỀ 5: Phân tích bài thơ “Đất vị Hoàng” của Trần Tế Xương**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về nhà thơ Trần tế Xương và bài thơ

**2. Thân bài**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ

**a. Hai câu đề**

*“Có đất nào như đất ấy không  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu thơ đầu tiên tác phẩm đã sử dụng một biện pháp tu từ khá độc đáo gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ “có đất nào như đất ấy không” => sự xót thương đang trào dâng trong lòng người thi nhân thật khiến người đọc như chúng ta cũng cảm thấy xót xa. Một mảnh đất phồn vinh đẹp đẽ một mảnh đất tốt tươi là thế bây giờ còn đâu.

- Câu thơ biểu thị một tâm trạng xót thương và có phần căm tức khi mà một thời phồn vinh của đất nước giờ còn đâu.

**b. Hai câu thực**

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

- Hai câu thơ thật khiến chúng ta cảm thấy xót xa tột cùng. Ta nghe ý thơ như một lời của chính tác giả đang than thở cho một xã hội đã suy tàn đã trên bờ diệt vong.

- Xã hội ấy không còn một giá trị đạo đức nào nữa và xã hội ấy đã để đồng tiền vượt lên trên tất cả các chuẩn mực đạo đức. Những câu thơ cuối bài thơ đa thể hiện rõ điều đó.  
**c. Hai câu luận**

*“Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

- Hai câu kết đẩy vần thơ lên cao trào của giọng điệu châm biếm và lên án. Không còn là chuyện riêng, chuyện cá biệt ở cái làng Vị Hoàng nhỏ bé nữa, mà là hiện thực thối nát, đồi bại xấu xa, đạo lí suy đồi, đảo điên... trong cái xã hội thực dân nửa phong kiến của một nước bị mất chủ quyền.

**d. Hai câu kết**

*"Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh*

*Có đất nào như đất ấy không?".*

- Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “ Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.  
- Nghệ thuật châm biếm, câu hỏi tu từ đầu cuối tương ứng, đã vạch trần được bộ mặt thật của xã hội nửa phong kiến đồng thời qua đây nhà thơ Tú Xương cũng bày tỏ thái độ tố cáo, đả kích sâu cay với những con người vì đồng tiền mà đánh mất giá trị bản thân, giá trị đạo đức xã hội. Đó là nỗi đau của người trong cuộc, đớn đau trước vận mệnh đất nước.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trần Tế Xương được biết đến là cây bút châm biếm, đả kích quyết liệt, dữ dội những bài thơ của ông như những làn roi vút, quất thăng vào bộ mặt của xã hội phong kiến. Ông sinh ra, lớn lên và được trực tiếp chứng kiến thời buổi nhiễu nhương, nhan nhản lũ người nhí nhố, ngang nhiên làm những việc bất chính ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Bức xúc vì không làm được gì, ông đã viết lên nhiều vần thơ sâu sắc mà chua xót phản ánh thực trạng đó, một trong những tác phẩm tiêu biểu phải kể đến bài thơ *“Đất Vị Hoàng”.* Bài thơ là tinh thần, lẽ sống của con người đồng thời thể hiện thái độ châm biếm các thói hư tật xấu trong xã hội lúc bấy giờ.

"Vị Hoàng" là quê cha đất tổ của nhà thơ Tú Xương. Làng Vị Hoàng xa xưa có sông Vị Thủy chảy qua. Ngày Tây chiếm đóng thành Nam, khi cờ ba sắc xuất hiện thì sông Vị Thuỷ lấp dần. Vị Hoàng vốn là một miền quê có thứ chuối ngự ngon nổi tiếng, cùng với thơ Tú Xương đã trở thành thổ ngơi, đặc sản quê nhà, một trăm năm về trước, được truyền tụng trong dân gian: "Ăn chuối ngự, đọc thơ Xương". Vị Hoàng cũng vốn là "nơi sang trọng, chốn nhiều quan". Nhưng rồi biển dâu biến đổi, trong buổi giao thời hổ lốn dở Tây dở ta, ngày càng lộn xộn tang thương, đạo lí sa sút, suy đổi. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đã có bài "Vị Hoàng hoài cổ" man mác buồn thương, lại thêm bài thơ "Đất Vị Hoàng" này để nói lên những chuyện xấu xa đồi bại ờ Vị Hoàng, ở thành Nam.

Bài thơ “Đất Vị Hoàng” được viết ở thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật, là bài thơ thể hiện niềm xót xa trước vận mệnh dân tộc. Vị Hoàng là nơi sinh ra của Tú Xương, – một vùng quê đầy bình yên có những thứ đặc sản nổi tiếng. Ngày giặc đến nhà, vùng quê bình yên đó trở nên xơ xác, tiêu điều. Là một người nặng tình với quê hương đất nước, Tú Xương đau đớn cho quê nhà, xót thương trước vận mệnh đất nước bị đảo lộn. Những việc xấu, “đổi trắng thay đen” cứ thế bày ra trước mắt, nỗi đau chồng chất nỗi đau. Từ đó bài thơ “Đất Vị Hoàng” ra đời để tố cáo cái xã hội lúc bấy giờ.  
Mở đầu bài thơ, nhà thơ đi thẳng vào vấn đề:

*“Có đất nào như đất ấy không?  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu hỏi tu từ ngay phần mở đầu, “có đất nào như đất ấy không?” gợi cho ta thật nhiều suy nghĩ. Mảnh đất của sự phồn vinh, bình yên, tuyệt đẹp với những bờ sông trải dài nay còn đâu. Giọng thơ trở nên thật chua chát trước cảnh nơi chôn rau cắt rốn của mình ngày càng đổi thay, các câu chuyện ngày càng đau lòng. Phồn vinh thì cũng không còn là của ta nữa, mà trở thành một nơi “ăn chơi sa đọa”, chốn để quân Pháp chơi bời. Còn gì đớn đau thay khi một quê hương phồn vinh hơn nhưng lại chẳng phải của chúng ta. Và cũng thật chua xót biết bao khi đó là nỗi đau không chỉ ở quê hương Tú Xương mà đó còn chính là nỗi đau của toàn dân tộc – một vùng trù phú rộng lớn trở nên tiêu điều xơ xác, một vùng chỉ có xác “phồn vinh” nhưng lại thiếu đi phần hồn. Đất nước bị chiếm đóng, phồn vinh kéo theo những hệ lụy, những đạo lí truyền thống của chúng ta bị đảo lộn.

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

Giặc chiếm đất, chiếm nhà, chiếm ruộng… của ta, phố phường cứ thế mọc lên và chúng càng vơ vét, càng bóc lột ta để làm giàu. Những đạo lí truyền thống chữ “hiếu” luôn đặt lên hàng đầu của ta từ ngàn đời nay còn đâu khi “con khinh bố”. Bố mẹ là người chăm lo cho ta, vậy lí do nào đã khiến cho tình cảm thiêng liêng ấy bị coi thường. Đó còn là “mụ vợ chanh chua”, người con gái nước Nam dịu dàng, nữ tính đi đâu mất rồi, thay vào đó lại là “mụ vợ chửi chồng”. Lí do gì đã khiến mọi trật tự, mọi đạo lí truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta bị đảo lộn, bị xáo trộn như vậy? Phải chăng đồng tiền đã làm cho con người ta mờ mắt, chỉ ham đến vinh hoa phú quý mà bỏ quên những điều xưa cũ, những đạo lí ân nghĩa thủy chung, những chuẩn mực đạo đức của ta. Ta thật sợ, ghê tởm cái xã hội nhem nhuốc, dơ bẩn lúc bấy giờ. Một gia đình không tốt, “hỏng” từ vợ - chồng đến con cái, vậy xã hội làm sao tốt đẹp đây?

“*Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

Hai câu thơ sau là cảnh vẽ về con người đối nhau, một tứ thơ đầy hoàn thiện nhưng cũng đầy chua xót. Những kẻ tham lam, keo cú trên đất nước ta nhiều vô kể. Họ bần tiện, ghê gớm đến nỗi “như cứt sắt”- một chất thải ra từ đất nung không còn thể đẽo gặm gì nữa. Đó còn là những con người tham lam, vơ vét cho bản thân mà quên đi cái giá trị của con người, mở miệng ra là thấy nói chuyện tiền, lấy tiền làm chuẩn mực của đạo đức, đánh giá một con người. Thối tha thay cái xã hội lúc bấy giờ, đớn đau thay cho những con người bị tha hóa. Nhà thơ Tú Xương thật tài tình khi vận dụng nghệ thuật so sánh kết hợp với biện pháp đảo ngữ làm cho các câu thơ trở nên có giá trị thẩm mĩ cao. Giọng thơ trở nên dữ dội, khinh bỉ hơn bao giờ hết. Đó là một bản cáo trạng mà nhà thơ viết lên để tố cáo những kẻ tham lam, vì tiền mà đánh mất đạo đức con người.

“*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh  
Có đất nào như đất ấy không”*

Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ, hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn… Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.  
  Bài thơ toàn Nôm, ngôn ngữ bình dị mà sắc sảo. Bốn câu hỏi xuất hiện trong bài thơ làm cho ngữ điệu thêm dữ dội, đầy ám ảnh. Thơ liền mạch, đúng là Tú Xương đã xuất khẩu thành thơ. Bút pháp điêu luyện mà tự nhiên, hồn nhiên, nhất khí mà bình dị. Trong thơ ca dân tộc ít có bài thơ thủ vĩ ngâm hay như bài thơ "Đất Vị Hoàng" này. Tú Xương mãi mãi là nhà thơ trào phúng bậc thầy trên thi đàn dân tộc.

**BÀI 4: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức trách nhiệm với cộng đồng

**B. NỘI DUNG**

**1. Trước khi nói**

- Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng…)

- Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói:

+ Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?

+ Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?

+ Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?

+ Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.

- Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói.

**2. Trình bày bài nói**

- Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).

- Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằn chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh…)

- Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.

**3. Đánh giá**

Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

- Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?

- Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?

- Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không?

- Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?

**BÀI NÓI THAM KHẢO**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tên em là... học sinh... trường...

Người xưa đã có câu thành ngữ “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ. Nụ cười là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống. Tuy nhiên, có phải lúc nào tiếng cười cũng phát huy tác dụng trong đời sống? Và phải chăng, ở bất cứ hoàn cảnh nào, tiếng cười cũng cần được khuyến khích?

**2. Nội dung bài nói**

Cười là một phản xạ tự nhiên của con người. Từ lúc lọt lòng mẹ, con người đã biết cười, biết thể hiện cảm xúc qua tiếng cười. Nụ cười bộc lộ niềm vui thích hoặc một thái độ, tâm trạng, tình cảm nào đó của con người.

Nụ cười là một tài sản, một món quà vô giá mà tạo hoá đã ban tặng cho con người. Một nụ cười thân thiện có thể xua tan đau buồn, hàn gắn vết thương, nhân đôi niềm vui, chia đôi nỗi buồn, làm dịu nỗi cô đơn, khiến mọi người xích lại gần nhau hơn… Một nụ cười đúng lúc, đúng chỗ có thể giúp con người thêm bạn, bớt thù, công việc thuận lợi, cuộc sống bớt căng thẳng. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu y học đã chứng minh tác dụng của tiếng cười lạc quan trong việc điều trị các bệnh tim mạch, giảm đau trong điều trị các bệnh ung thư và khớp cũng như cải thiện nhiều chức năng sinh lí của cơ thể. Người Việt Nam rất hay cười nhận xét của một sinh viên người Bulgaria trong câu chuyện nêu trên không phải hoàn toàn cảm tính. Một nghiên cứu được công bố gần đây của tổ chức các nền kinh tế mở (NEF) đã xếp Việt Nam đứng thứ 12 trên toàn cầu và là quốc gia đứng đầu (hạnh phúc nhất) ở châu Á. Bảng đánh giá, xếp hạng này căn cứ vào một số tiêu chuẩn như sự bằng lòng với cuộc sống, tuổi thọ trung bình, yếu tố môi trường… Như vậy người Việt lạc quan, hay cười là một nhận định có cơ sở.

Tuy nhiên, cũng như đời sống, tiếng cười rất đa dạng về sắc thái. Mỗi sắc thái, mỗi kiểu cười có một cách thể hiện và ý nghĩa khác nhau như: cười duyên, cười nụ, cười mỉm, cười xòa; cười khẩy, cười ruồi, cười nhạt, cười nửa miệng, cười khinh khỉnh; cười đau khổ, cười ra nước mắt, cười như mếu, cười lặng, cười thầm; cười vô duyên, cười trên đau khổ của người khác, cười hô hố, cười đồng loã, cười hềnh hệch, cười hồng hộc, cười toe toét… Có những nụ cười mang lại niềm vui, tình yêu thương, sự khích lệ lớn lao nhưng cũng có những kiểu cười giết chết cả tin yêu, gieo rắc hoài nghi, khích lệ người ta sa ngã, phạm tội ác. Cười một cách vô tâm, vô duyên là một trong những kiểu cười tai hại đó.

Cười một cách vô tâm là cười vui khoái trá bất chấp người trong cuộc đang ở trong một trạng thái hoặc tình huống khó khăn, cần được chia sẻ, giúp đỡ. Cười một cách vô duyên là cười không đúng lúc đúng chỗ, cười hô hố, thiếu tế nhị, cười vui trong những trường hợp, tình huống trớ trêu, cần sự thông cảm. Trong thực tế, nhiều người Việt Nam, kể cả người lớn tuổi thường rất hay cười trong những tình huống không đáng cười như: nhìn thấy người trượt ngã (như câu chuyện nêu trên), đánh rơi đồ vật giữa đường, vô ý bị vấp u đầu, quần áo lấm lem mực hoặc bùn đất, bộ dạng của những người bị mất trí, bị bệnh tâm thần. Thậm chí, họ có thể cười khi thấy trẻ con đánh nhau rất đau, nhà người khác bị cháy, người bị tai nạn xe ngã trên đường…

Hậu quả của những cái cười vô tâm, vô duyên đôi khi không thể đo đếm hết. Nó thể hiện sự vô cảm, ích kỷ, thiếu tình người và trình độ văn hoá giao tiếp, ứng xử thấp kém của con người. Nó có thể làm cho người trong cuộc cảm thấy đau khổ, bẽ bàng, mất tự tin, mất niềm tin, đau lòng, thậm chí tuyệt vọng. Cười trên đau khổ của người khác, cười một cách vô tâm, vô tư trước sự trớ trêu, khốn khổ của người khác, khi người ta cần sự thông cảm, giúp đỡ là mầm mống, là biểu hiện của cái ác.

Nụ cười rất cần thiết trong cuộc sống hằng ngày, nhưng cười phải đúng lúc, đúng chỗ. Cười với tấm lòng chia sẻ, đồng cảm, yêu thương rộng mở mới là “thang thuốc bổ” đáng quý, đáng trân trọng. Nó làm giàu có cho những ai được đón nhận nó mà không làm nghèo đi người sinh ra nó. Biết sử dụng nụ cười phù hợp với những hoàn cảnh, đối tượng khác nhau là biểu hiện của sự lịch thiệp và văn hoá trong giao tiếp chìa khóa của hạnh phúc và thành công.

“Tiếng cười không những là dấu hiệu của sức mạnh mà bản thân nó cũng là sức mạnh” (A. Lunacharsky). Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp (như sự việc nêu trên chẳng hạn), hành động cần thiết hơn ánh mắt và nụ cười, dù đó không phải là nụ cười ác ý. Hãy chạy thật nhanh đến mức có thể để đỡ người bị ngã đau đứng dậy; hãy ra tay giúp người trong những tình huống khó khăn, bất trắc, trớ trêu thay vì ngạc nhiên đứng nhìn và quay Video clip tung lên mạng như một thành tích với một nụ cười vô tâm khoái trá. Hãy biết trao những nụ cười thân thiện, cởi mở để nhận được những nụ cười đồng cảm, yêu thương đáp lại, để cuộc đời như những khúc ca.

**3. kết thúc bài nói**

Trên đây là bài nói của em về Ý nghĩa tiếng cười trong đời sống. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô và các bạn đã lắng nghe! Chúc các thầy cô và các bạn sức khoẻ, hạnh phúc!

**4. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| Trao đổi về bài nói với thái độ tôn trọng và tinh thần xây dựng:  - Nêu câu hỏi về những điểm còn băn khoăn xung quanh các ý kiến được trình bày trong bài nói.  - Bày tỏ sự đồng tình hoặc phản biện ý kiến của người nói về Ý nghĩa nụ cười trong cuộc sống.  - Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày bài nói. | Lắng nghe ý kiến của người nghe, tiếp thu và phản hồi với thái độ lịch sự, tinh thần cầu thị:  - Giải thích những vấn đề người nghe chưa hiểu rõ hoặc còn băn khoăn.  - Trao đổi về những nhận xét, đánh giá em cho là chưa thỏa đáng.  - Tự rút kinh nghiệm để hoàn thiện kĩ năng chuẩn bị và trình bày bài nói. |

**BÀI 4. THỰC HÀNH ĐỌC - HIỂU VỊNH CÂY VÔNG**

*(Nguyễn Công Trứ)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được thể thơ của bài

- Chỉ ra và phân tích được tiếng cười trào phúng trong bài thơ

- Nêu được tác dụng của nghệ thuật ẩn dụ (hình tượng cây vông)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào dân tộc

**B. NỘI DUNG**

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| **-** Nguyễn Công Trứ tên tục là Củng, tự là Tồn Chất, hiệu là Ngộ Trai, biệt hiệu là Hy Văn, sinh ngày 01 tháng 11 năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39, tức ngày 19 tháng 12 năm 1778; người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.  - Nhắc đến Nguyễn Công Trứ là nhắc đến một phong cách phóng khoáng, ngang tàng, tự do tự tại. | Vịnh cây vông - Tác giả tác phẩm (mới 2023) | Ngữ văn lớp 8 Kết nối tri thức |

**2. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh sáng tác: Tương truyền bài này làm để nhạo quan Lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840), trong bữa tiệc họ Hà mừng con thi đậu.

- Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

+ Bố cục: Gồm 2 phần:

- Phần 1: 4 câu đầu: Hình ảnh cây vông

- Phần 2: 4 câu cuối: Hình ảnh con người

**II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Đối tượng của tiếng cười trào phúng.**

- Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840)

*- Cùng, thông, đắc, táng, bỉ thương mặc phó kì quyền.*

*Nghĩa là: Cùng, thông, thua, được, trời xanh giao phó quyền hành.*

Câu này cũng có chữ “quyền” ở sau cùng, và cũng để thách thức Hà Tôn Quyền đối lại, nhưng Nguyễn Công Trứ còn có thâm ý nói rằng Hà Tôn Quyền khéo nịnh nên mới được nhà vua giao phó cho quyền hành.

Nhân có con vừa thi đậu Cử nhân, Hà Tôn Quyền mở tiệc ăn mừng, có mời cả Nguyễn Công Trứ cùng dự. Giữa bữa tiệc, mượn hơi rượu, Hà Tôn Quyền chỉ ra cây vông đang nở hoa ngoài sân, ra một đề thơ “Vịnh cây vông” yêu cầu các quan khách cùng vịnh chơi, tất nhiên người mà ông chủ nhắm vào đầu tiên là Cụ Trứ. Để bắt bí, ông ta lại hạn bài thơ phải lấy vần “ông/bông”.

**2. Nghệ thuật ẩn dụ (dùng hình tượng cây vông để châm biếm, đả kích).**

- Cây vông mang ý nghĩa biểu tượng, là hình ảnh ẩn dụ cho Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng. Đó là bộ máy quan lại bất tài, vô dụng.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

- Nghệ thuật đối và nghệ thuật ẩn dụ.

**2. Nội dung**

- Qua hình ảnh cây vông nhà thơ muốn nói về đám triều thần tham lam, bất tài, vô dụng bằng giọng điệu mỉa mai, châm biếm.

**IV. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đề Đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Biền, nam, khởi, tử, chẳng vun trồng,*  *Cao lớn làm chi những thứ vông.*  *Tuổi tác càng già, già xốp xáp,*  *Ruột gan không có, có gai chông.*  *Ra tài lương đống không nên mặt,*  *Dựa chốn phiên ly chút đỡ lòng.*  *Đã biết nòi nào thì giống nấy,*  *Khen cho rứa cũng trổ ra bông!*  *(Trích Vịnh cây vông - Nguyễn Công Trứ)*  **Câu 1**. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ?  **Câu 2.** Xác định nội dung của bài thơ trên?  **Câu 3**. Bài thơ mượn hình ảnh cây vông để châm biếm đả kích đối tượng nào?  **Câu 4.** Đối tượng trào phúng trong bài thơ trên? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2**. Nội dung

- Qua hình ảnh cây vông nhà thơ muốn nói về đám triều thần tham lam, bất tài, vô dụng bằng giọng điệu mỉa mai, châm biếm.

**Câu 3**. Mượn hình ảnh cây vông để châm biếm, đả kích bộ máy quan lại: cây vông mang ý nghĩa biểu tượng, là hình ảnh ẩn dụ cho Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng. Đó là bộ máy quan lại bất tài, vô dụng.

**Câu 4**. Đối tượng trào phúng trong bài thơ trên: Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840), trong bữa tiệc họ Hà mừng con thi đậu.

**2. Dạng đề Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  **VỊNH CÂY THÔNG**  *"Ngồi buồn mà trách ông xanh, Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười.  Kiếp sau xin chớ làm người, Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.  Giữa trời vách đá cheo leo, Ai mà chịu rét thì trèo với thông." (Thơ văn Nguyễn Công Trứ, NXB. Văn Học, VN, 1983, tr. 179)*  **Câu 1:** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? **Câu 2:** Chỉ ra 03 từ ngữ diễn tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ. **Câu 3:** Nêu nghĩa của từ láy "cheo leo" được sử dụng trong bài thơ. **Câu 4:** Mong ước tái sinh của tác giả trong hai câu thơ: "Kiếp sau xin chớ làm người/ Làm cây thông đứng giữa trời mà reo" gợi cho anh/chị suy nghĩ gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thể thơ: Lục bát  
**Câu 2.** Ba từ ngữ miêu tả tâm trạng của, cảm xúc của nhân vật trữ tình là: Buồn, trách, vui, khóc, cười…

**Câu 3.** "cheo leo": Diễn tả độ cao, không có điểm tựa, bấu víu chắc chắn và tạo cảm giác không đứng vững, nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã.  
**Câu 4.**  Mong ước tái sinh của tác giả trong hai câu thơ: Chối từ làm người mà chỉ muốn làm cây thông ở kiếp sau để được tự do nói lên tiếng nói trung thực của mình; Để được sống vững vàng, kiên cương và có bản lĩnh trong cuộc đời.  
- Suy nghĩ của bản thân: Trân trọng vẻ đẹp nhân cách của tác giả; hãy tự chủ vượt qua mọi thử thách và gian nguy để sống vững vàng và có bản lĩnh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Đi không há lẽ trở về không?*  *Cái nợ cầm thư phải trả xong.*  *Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệ*  *Trót đem thân thế hẹn tang bồng*  *Đã mang tiếng ở trong trời đất,*  *Phải có danh gì với núi sông*  *Trong cuộc trần ai ai dễ biết,*  *Rồi ra mới biết mặt anh hùng*  *(Trích Đi thi tự vịnh, Nguyễn Công Trứ)*  **Câu 1.** Xác định thể thơ của bài thơ trên. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ.  **Câu 2**. Dựa vào văn cảnh, có thể thấy bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh như thế nào?  **Câu 3**. Điển cố “tang điền” giúp em hiểu như thế nào quan niệm của Nguyễn Công Trứ về chí làm trai.  **Câu 4**. Chép lại ít nhất một câu thơ đã học về quan niệm chí làm trai trong xã hội phong kiến. Cho biết sự khác nhau giữa “tiếng” và “danh” trong câu thơ:  *Đã mang tiếng ở trong trời đất,*  *Phải có danh gì với núi sông*  **Câu 5**. Nêu hiệu quả của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ:  *Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệ*  *Trót đem thân thế hẹn tang bồng*  **Câu 6.** Thông điệp của bài thơ là gì?  **Câu 7.** Nhận xét thái độ của nhà thơ. |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ: Biểu cảm

**Câu 2.** Hoàn cảnh sáng tác bài thơ:

- Đang trên đường đi thi để trả nợ công danh

- Con đường thi cử lận đận và gian truân

**Câu 3.**

- Điển cố “tang bồng”:

- Sống trên đời, người con trai phải có chí lớn.

- Hai vai gách vác sơn hà

- Tung hoành ngang dọc khắp bốn phương trong trời đất.

**Câu 4.**

+ Quan niệm chí làm trai trong xã hội phong kiến:

- Trai thì đọc sách ngâm thơ/ Dùi mai kinh sử để chờ nở hoa (Ca dao)

- Công danh nam tử còn vương nợ / Luống thẹn tại nghe chuyện Vũ Hầu (Tỏ lòng, Phạm Ngũ Lão)

- Vũ trụ nội mạc phi phận sự (Bài ca ngất ngưởng, Nguyễn Công Trứ)

- Làm trai phải lạ trên đời / Há để càn khôn tự chuyển dời (Xuất dương lưu biệt, Phan Bội Châu)

- Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn / Lừng lẫy làm cho lở núi non (Đập đá ở Côn Lôn, Phan Châu Trinh)

+ Sự khác nhau giữa “tiếng” và “danh”:

- Tiếng: Chỉ thân phận nam nhi trong trời đất, những việc làm thực hiện hoài bão ngang dọc.

- Danh: Sự ghi nhận việc làm đó trên bia đá bảng vàng, để lại tiếng thơm muôn đời nhờ tài năng, công đức.

**Câu 5.** Điền viên: thú vui làm vườn

- Tang bồng: chí làm trai, con trai theo tục truyền cũ phải tung hoành ngang dọc

- Hai câu thơ đối nhau về mặt nội dung. Câu thơ thứ nhất nói về cái cảnh an nhàn, thú vui tao nhã của cuộc đời là làm vuờn, hòa mình với thiên nhiên. Câu thơ thứ hai nói về chí làm trai, cái sức trẻ nhiệt huyết phải được bộc phá, ngạo nghễ, khí phách. Nguyễn Công Trứ đã nhiều lần nếm trải cay đắng, thất bại, lui mình về chốn điền viên nhưng” hẹn tang bồng” khiến ông không thể bỏ cuộc, luôn lạc quan với niềm vui phơi phới. Một sĩ tử có tài năng đích thực mới có sự thách thức và niềm tin mạnh mẽ như vậy.

**Câu 6**. Thông điệp ở bài thơ có ý nghĩa với em đó là: Con người cần phải có lí tưởng và hoài bão đẹp về công danh, tự tin và lạc quan trong học tập và thi cử. Con người ấy đáng để ta học tập. Câu thơ về “Chí làm trai” của Nguyễn Công Trứ giống như một câu danh ngôn mang ý nghĩa sâu sắc. “Núi sông” là đất nước, ngày nay là Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cần có nhiều tài năng lỗi lạc “có danh” và làm nên sự nghiệp lớn “đào núi và lấp biển” như Bác Hồ đã dạy thanh niên.

**Câu 7.** Nhà thơ thể hiện thái độ tự tin, đĩnh đạc và hào hùng qua những vần thơ của mình → Từ đó thể hiện con người tài năng, chí khí …

**3. DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,  
Lừng lẫy làm cho lở núi non.  
Xách búa đánh tan năm bảy đống,  
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.  
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,  
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.  
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,  
Gian nan chi kể sự con con.*

*(Trích Đập đá ở Côn Lôn - Phan Châu Trinh)*

**Câu 1:** Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt **B. Thất ngôn bát cú**

C. Ngũ ngôn D. Tự do

**Câu 2:**  Trong 4 câu thơ đầu tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm và thuyết minh. B. Miêu tả và thuyết minh.

**C. Tự sự và miêu tả.** D. Tự sự và biểu cảm

**Câu 3:** Bốn câu thơ trên tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**A. Khoa trương, cường điệu hoá. B**. Hoán dụ và nhân hoá.

C. So sánh và ẩn dụ. D. Nhân hoá và ẩn dụ.

**Câu 4:** Cảm xúc nổi bật trong bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” là gì?

 A. Tình yêu quê hương, đất nước và sự thông cảm với những người dân bị đô hộ.

**B. Lòng căm thù giặc sâu sắc của các chiến sĩ cách mạng.**

C. Cảm xúc lãng mạn hào hùng của tác giả.

D. Cảm xúc rung động trước cảnh đẹp của quê hương.

**Câu 5**: Hai câu mở đầu bài thơ Đập đá ở Côn Lôn nói về vấn đề gì?

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,*  
*Lừng lẫy làm cho lở núi non.*

A. Trách nhiệm của kẻ làm trai. B. Lợi thế của kẻ làm trai.

**C. Tư thế của kẻ làm trai.** D. Nhiệm vụ của kẻ làm trai.

**Câu 6:** Nội dung **không đúng** với bài thơ mà tác giả đã đề cập đến?

A. thể hiện một hình tượng đẹp, một khí thế ngang tàng, vẻ đẹp lẫm liệt của nhà cách mạng Phan Chu Trinh.

**B. Khắc hoạ những gian nan, cực nhọc vất vả mà những người chí sĩ cách mạng phải chịu đựng và hi sinh cho đất nước.**

C. Tinh thần lạc quan, dù gặp phải tình cảnh gian nguy nhưng vẫn không hề sờn lòng đổi chí.

D. ý chí sắt đá của người chí sĩ, tin tưởng vào chính mình, vào con đường chính nghĩa đã lựa chọn.

**Câu 7:** Chủ đề của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” nói lên điều gì?

A. Đề cao công lao của cấc chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược.

B. Dựng lại hình ảnh lao động khổ sai của các chiến sĩ cách mạng khi bị giặc bắt.

C. Miêu tả lại cảnh đập đá ở Côn Lôn.

**D. Thể hiện ý chí kiên cường bất khuất, khí phách hiên ngang, lòng trung thành sắt son của người chiến sĩ cách mạng.**

**Câu 8:** Hình ảnh tác giả hiện lên trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" là

A. Phong thái ung dung và đường hoàng, khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên hoàn cảnh tù ngục khốc liệt

**B. Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp nguy nan những vẫn không sớn lòng đổi chí.**

C. Người chiến sĩ sục sôi nhiệt huyết cách mạnh cùng khát khao được "phá cũi xổ lồng"

D. Tư thế ung dung tự tại, vượt lên hoàn cảnh, hướng lòng mình tới thiên nhiên với tình cảm thiết tha, sâu sắc.

**Câu 9**. [Nội dung chính của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” thể hiện là gì?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-8/noi-dung-chinh-cua-bai-tho-dap-da-o-con-lon.jsp)

**Câu 10.** hân tích giọng điệu, hình ảnh trong bốn câu đầu bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” để thấy được tâm tư, khí phách của tác giả.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | C | A | B | C | B | D | B |   **Câu 9**. “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh kể về việc đập đá- công việc khổ sai người tù phải làm- làm nổi bật lên tinh thần quật cường, ngang tàng của chí sĩ lúc buổi lâm nguy. Đây là nơi thực dân Pháp dùng để đày đọa, giam hãm những người yêu nước của ta.  **Câu 10.**  - Khẩu khí: ngang tàng, mạnh mẽ, sảng khoái, hình tượng nhân vật hiện lên thật oai phong, lẫm liệt như một nhân vật thần thoại.  - Nghệ thuật: Tác giả chọn bút pháp khoa trương và giọng điệu pha chút tự hào khiến cho nhà nho, người tù Phan Châu Trinh chân yếu tay mền “bạch diện thư sinh” ấy thoắt biến thành một dũng sĩ với vóc dáng khổng lồ và sức mạnh phi thường.  - Nhịp thơ mạnh, dồn dập, gấp gáp… tạo nên không khí sôi động, dữ dội của trận giao tranh ác liệt. Mỗi nhịp thơ như ứng với một nhịp búa vung lên, giáng xuống.  - Qua những câu thơ trên, dũng sĩ đập đá mà như muốn san bằng bất công, tàn ác vĩ đại nghĩa ở đời. |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,  
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.  
Đã khách không nhà trong bốn bể,  
Lại người có tội giữa năm châu.  
Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,  
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.  
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.*

*(Trích Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông - Phan Châu Trinh)*

Câu 1: Bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác được viết theo thể loại nào?

A. Tự do. **B. Thất ngôn bát cú.**

C. Thất ngôn tứ tuyệt. D. Ngũ ngôn.

**Câu 2:** Bài thơ được sáng tác bằng

A. Chữ Hán **B. Chữ Nôm**

C. Chữ quốc ngữ D. Cả chữ Hán và chữ nôm

**Câu 3:** Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi Phan Bội Châu đang hoạt động cách mạng tại Việt Nam.

B. Khi Phan Bội Châu đang bị giam cầm tại nhà tù Việt Nam

**C. Khi Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông bắt giam.**

D. Khi đang lưu lạc tại Nhật Bản

**Câu 4:** Nội dung của hai câu thơ "Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu - Chạy mỏi chân thì hãy ở tù" trong bài thơ là

A. Biểu hiện niềm tự hào cao độ về tài năng của tác giả.

B. Biểu hiện thái độ hài hước của tác giả trước hoàn cảnh thay đổi.

C. Nói về cuộc đời bôn ba đầy gian khổ của tác giả.

**D. Biểu hiện thái độ coi thường hiểm nguy, tinh thần không hề nao núng của tác giả.**

**Câu 5**: Ba chữ "bồ kinh tế" trong câu thơ Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế của bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác có ý nghĩa gì?

A. Là nói lên ước mơ giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc ra khỏi cuộc đời nô lệ.

**B. Lấy từ chữ "kinh bang tế thế" có nghĩa là trị nước cứu đời, một hoài bão lớn lao của những anh hùng hào kiệt.**

C. Là dụng cụ đựng thóc gạo thời xưa.

D. Là ám chỉ sự nghiệp cách mạng lâu dài và vĩ đại.

**Câu 6**. Bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* viết về đối tượng nào?

A. Người phụ nữ B. Người nông dân

**C. Người tù Cách mạng** D. Người tri thức

**Câu 7**. Đâu là nghệ thuật nổi bật của bài thơ?

**A. Giọng thơ hào hứng, lôi cuốn** B. Thể thơ tự do, đặc sắc

C. Các hình ảnh ước lệ cổ điển D. Tất cả các phương án trên

**Câu 8.** *Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,*

*Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.*

Dòng nào nói đúng nhất tư tưởng của Phan Bội Châu trong hai câu thơ kết bài?

A. Khẳng định tư thế hiên ngang của tác giả: coi thường cái chết

B. Khẳng định ý chí sắt thép, kiên trì cách mạng

C. Khẳng định sự tin tưởng vào tương lai, sự nghiệp

**D. Kết hợp cả 3 nội dung trên**

**Câu 9**. Qua bài thơ em cảm nhận được gì về người anh hung yêu nước Phan Bội Châu?

**Câu 10**. Cảm nhận về hai câu thơ cuối: Hai câu thơ cuối khẳng định rõ khí phách, ý chí bền bỉ của bậc hào kiệt.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | B | C | D | B | C | A | D |   **Câu 9**. Cả bài thơ toát lên một tinh thần bất khuất, một tư thế vững vàng của bậc trượng phu trong cơn sóng gió. Truyền thống yêu nước, chí khí anh dũng của dân tộc đang tiếp tục mạch chảy bất tận trong tâm huyết chí sĩ Phan Bội Châu. Hình ảnh người anh hùng đã tạc vào lịch sử như một minh chứng cho tinh thần yêu nước, xả thân vì lý tưởng chính nghĩa.  **Câu 10**. - Từ “còn” thể hiện niềm tin sắt đá rằng con đường cách mạng vẫn tiếp tục.  - “bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu”: lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan của người anh hùng. |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,*  
*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*  
*Năm thì mười họa chăng hay chớ*  
*Một tháng đôi lần có cũng không.*  
*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm,*  
  
*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*  
*Thân này ví biết dường này nhỉ*  
*Thà trước thôi đành ở vậy xong.*

**Câu 1.** Thể thơ của bài *Thuật hứng* được viết theo thể thơ nào?  
**A. Thất ngôn bát cú Đường luật** B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt D. Thơ 7 chữ  
**Câu 2.** Phép đối được sử dụng trong những câu thơ nào?  
A. Hai câu đề **B. Hai câu thực, hai câu luận**C. Hai câu kết D. Hai câu luận và hai câu kết.  
**Câu 3.** Đâu là thành ngữ dân gian trong bài thơ trên:  
A. Năm thì mười họa, một tháng đôi lần  
**B. Năm thì mười họa, cố đấm ăn xôi**C. Một tháng đôi lần, cố đấm ăn xôi  
D. Kẻ đắp chăn bông, cầm bằng làm mướn.  
**Câu 4.** Câu thơ viết về sự bất công trong hôn nhân đa thê:  
**A. *Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng***B. *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*  
C. *Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*  
D. *Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*  
**Câu 5.** Hai câu thơ *Năm thì mười họa chăng hay chớ - Một tháng đôi lần có cũng không* diễn tả điều gì?  
A. Diễn tả gợi chuyện buồng the, chăn gối, hạnh phúc lứa đôi vợ chồng.  
B. Diễn tả tâm trạng buồn tủi của người vợ lẽ khi bị vợ cả thị uy.  
**C. Diễn tả sự thưa thớt, họa hoằn của hành vi ái ân giữa chồng với vợ lẽ.**D. Diễn tả thái độ phản kháng mạnh mẽ vượt lên trên nghịch cảnh của Hồ Xuân Hương.  
**Câu 6.** Dòng nào không liên quan đến nội dung biểu đạt của 2 câu thơ: *Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm - Cầm bằng làm mướn, mướn không công*:  
A. Vì khát vọng một chút hạnh phúc lứa đôi nhỏ nhoi mà người đàn bà phải hạ mình "cố đấm ăn xôi", chấp nhận mang thân đi làm lẽ.  
B. Khi chấp nhận cảnh làm lẽ rồi, người vợ lẽ mới nhận ra bản chất xấu xa của chế độ đa thê.  
C. Hai câu thơ diễn tả tâm trạng tủi nhục, uất hận của kiếp làm lẽ.  
**D. Hai câu thơ diễn tả sức sống mãnh liệt của Hồ Xuân Hương dù phải sống trong cảnh làm lẽ tủi cực.  
Câu 7.** Bài thơ khiến ta liên tưởng đến cảnh ngộ của Hồ Xuân Hương trong câu thơ nào sau đây:  
A. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn - Bảy nổi ba chìm với nước non*  
B. *Có phải duyên nhau thì thắm lại - Đừng xanh như lá, bạc như vôi*  
C. *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn - Trơ cái hồng nhan với nước non*  
**D. *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con.*  
Câu 8.**

**Câu 9.** Cảm nhận về tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình thể hiện trong bài thơ.  
**Câu 10.** Nêu những phương diện thể hiện tư tưởng nhân đạo của bài thơ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | B | A | C | D | D |  |   **Câu 9**. Cảm nhận về tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Tâm trạng: Hồ Xuân Hương khi phải sống trong cảnh làm lẽ nhiều bất công đã cảm thấy vô cùng hụt hẫng, chua xót, bẽ bàng, thậm chí, đến cuối bài thơ, bà còn cảm thấy hối hận vì đã quyết định mang thân đi làm vợ lẽ. - Thái độ: Bài thơ thể hiện thái độ phản kháng mãnh liệt của Hồ Xuân Hương đối với chế độ đa thê. Thái độ ấy được thể hiện ngay trong cách nói dữ dội: Chém cha cái kiếp lấy chồng chung…  **Câu 10**. Những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong bài thơ: - Bài thơ thể hiện niềm tự thương cho chính mình của Hồ Xuân Hương, cũng là tiếng nói cảm thương cho những người phụ nữ phải chịu cảnh lấy chồng chung. Vì được trải nghiệm qua hai lần làm lẽ, nên nữ sĩ thấu hiểu hơn ai hết cảnh ngộ thiệt thòi, tủi hổ của kẻ phải làm vợ lẽ. - Từ đó, bà cất lên tiếng nói tố cáo chế độ đa thê đã khiến người phụ nữ không có được hạnh phúc trọn vẹn. - Bài thơ còn là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc trọn vẹn cho những người phụ nữ bất hạnh trong xã hội bất công xưa. |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Vũ trụ nội mạc phi phận sự,  
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.  
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,  
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng.  
Lúc bình Tây, cờ đại tướng,  
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.  
Đô môn giải tổ chi niên,  
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng.  
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,  
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.  
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,  
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.  
Được mất dương dương người tái thượng,  
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.  
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,  
Không Phật, không tiên, không vướng tục.  
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,  
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.  
Trong triều ai ngất ngưởng như ông!*

*(Trích Bài ca ngất ngưởng - Nguyễn Công Trứ)*

**Câu 1:** Nguyễn Công Trứ viết “Bài ca ngất ngưởng” vào năm 1848, đó là lúc, ông:

A Thi đậu giải nguyên B. Đang làm Phủ doãn Thừa Thiên

**C. Cáo quan về hưu** D. Bị giáng làm lính thú ở biên thuỳ

**Câu 2:** Từ “ngất ngưởng” trong câu “Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng” thể hiện phẩm chất gì của tác giả Nguyễn Công Trứ lúc đang ở triều?

A. Tự ti               B. Tự kiêu           **C. Tự hào**            D. Tự tin

**Câu 3:** Từ “ngất ngưởng” trong câu “Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng” thế hiện điều gì của Nguyễn Công Trứ lúc “đô môn giải tổ”?

A. Sự hợm hĩnh **B. Sự khẳng định cá tính mãnh liệt**

C. Sự chán nản, bất cần. D. Sự trêu ghẹo thế thái nhân tình.

**Câu 4:** Câu nào thể hiện hàm ý “làm quan là một sự mất tự do và gò bó” của Nguyễn Công Trứ?

A. Vũ trụ nội mạc phi phận sự B. Đô môn giải tổ chi niên

C. Khen chê phơi phới ngọn đông phong **D. Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng**

**Câu 5:** Ông Hi Văn ở câu “Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng” trong “Bài ca ngất ngưởng” là biệt hiệu của ai?

**A. Nguyễn Công Trứ**                     B. Nguyễn Khuyến

C. Cao Bá Quát                              D. Nguyễn Đình Chiếu

**Câu 6:**  Ý nghĩa của câu “Vũ trụ nội mạc phi phận sự” trong “Bài ca ngất ngưởng”?

A. Sự kiêu hãnh của một đấng nam nhi sống trong trời đất.

B. Thái độ bàng quan, vô trách nhiệm với đất nước.

**C. Tuyên ngôn trách nhiệm cao đẹp của Nguyễn Công Trứ đối với đất nước.**

D. Tuyên bố xa lánh vòng danh lợi.

**Câu 7:** Câu nào sau đây bộc lộ tài năng quân sự của nguyễn Công Trứ?

A. Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông

**B. Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng**

C. Lúc bình Tây, cờ đại tướng

D. Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên

**Câu 8:** Dòng nào nói đúng quan niệm của nhà nho ngày xưa?

**A. Xem trọng "đức" hơn "tài".**  B. Chỉ xem trọng "tài", phủ nhận "đức".

C. Chỉ xem trọng "đức", phủ nhận "tài". D. Xem "tài" "đức" như nhau.

**Câu 9.** Dựa vào bài “Bài ca ngất ngưởng”, theo em vì sao Nguyễn Công Trứ biết làm quan là gò bó, mất tự do nhưng vẫn làm?

**Câu 10**. [Nêu cảm nhận của em về cái Ngông của Nguyễn Công Trứ thông qua “Bài ca ngất ngưởng”](https://haylamdo.com/soan-van-lop-11/neu-cam-nhan-cua-em-ve-cai-ngong-cua-nguyen-cong-tru-thong-qua-bai-ca-ngat-nguong.jsp)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | C | B | D | A | C | B | A |   **Câu 9.** Nguyễn Công Trứ biết làm quan và mất tự do. Ông coi chốn quan trường là cái lồng giam hãm con người (Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng). Thế nhưng ông vẫn ra làm quan vì ông quan niệm đó là nơi để thể hiện tài năng và nhiệt huyết cho xã hội, cho triều đình, cho đạo vua tôi nên ông có quyền ngất ngưởng nhất trong triều. Vì ông coi việc làm quan là một điều kiện, một phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình. điều quan trọng là trong một môi trường có nhiều trói buộc, ông vẫn thực hiện được lí tưởng xã hội của mình và vẫn giữ được bản lĩnh, cá tính.  **Câu 10.** Cái Ngông của Nguyễn Công Trứ là cái tôi hơn đời, dám khẳng định tài năng và nhân cách của bản thân, đó còn là cái tôi cống hiến hết sức mình cho đất nước và cho cuộc đời. |

**ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*“Trò trẹt chi bay học cạnh thầy*

*Gật gà gật gưỡng nực cười thay!*

*Giọng khê nồng nặc không ra tiếng,*

*Mắt lại lim dim nhắp đã cay.*

*Đồng nổi(1) đâu đây la liệt đảo,*

*Ma men(2) chi đấy tít mù say.*

*Dễ thường bắt chước Chu Y(3) đó,*

*Quyển có câu thần vậy gật ngay.*

*(Chế giễu học trò ngủ gật - Thơ Nguyễn Khuyến, tr. 13, NXB Văn Học, 2010)*

**Chú thích:**

(1)*Đồng nổi*: tức lên đồng. Cả câu ý nói: học trò ngủ gật, lảo đảo như lên đồng.

(2)*Ma men*: chỉ người nghiện rượu

(3)*Chu Y*: Nghĩa đen là áo đỏ. Đây chỉ một “vị thần” mặc áo đỏ báo cho biết một câu văn hay, lấy tích từ chuyện về Âu Dương Tu. Âu Dương Tu đi chấm thi, hễ thấy một người áo đỏ gật đầu sau đó y rằng ông đọc đến một câu văn hay. Lúc đầu, ông tưởng có một người nào đấy, sau định thần nhìn kỹ thì chẳng có gì.

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng B. Vần chân

C. Vần liền D. Vần chân, vần liền, vần cách

**Câu 2.** Đối tượng của tiếng cười trong bài thơ là ai?

A. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp. B. Là học trò.

C. Là người say rượu. D. Là thầy đồ.

**Câu 3.** Bài thơ có cách ngắt nhịp như thế nào?

A. Nhịp 4/3 B. Nhịp 3/4

C. Nhịp 3/3/1 D. Nhịp 2/2/3

**Câu 4.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4 B. 3 – 4 và 5 – 6

C. 5 – 6 và 7 – 8 D. 1 – 2 và 7 – 8

**Câu 5.** Giọng điệu chủ đạo trong bài thơ là gì?

A. Mỉa mai – châm biếm B. Hài hước

C. Đả kích phê phán D. Đùa cợt nhẹ nhàng

**Câu 6.** Dòng nào sau đây gồm những từ láy tượng hình?

A*. nồng nặc, lim dim*

B. *gật gà gật gưỡng, trò trẹt, ma men*

C. *la liệt, trò trẹt, lim dim*

D. *gật gà gật gưỡng, lim dim, la liệt.*

**Câu 7.** Câu nào dưới đây nói đầy đủ về đặc điểm của học trò trong bài thơ?

A. Say rượu, ngủ gật trong khi học, nói năng giọng khê nồng nặc.

B. Giọng khê nồng nặc, mắt lim dim, gật gà gật gưỡng, lảo đảo như lên đồng.

C. Nói chuyện, ngủ gật, không chú ý học bài.

D. Lảo đảo như lên đồng, không nghe giảng, không ghi chép, không suy nghĩ.

**Câu 8.** Mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì?

A. Coi khinh những anh học trò có thói xấu.

B. Chế giễu cái xấu để học trò nhận ra cái sai của mình mà sửa đổi.

C. Phê phán đạo học thời mạt vận.

D. Cả đáp án B và C.

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Giọng khê nồng nặc không ra tiếng,*

*Mắt lại lim dim nhắp đã cay”*

**Câu 10.** Là học sinh, em rút ra thông điệp gì qua bài thơ? Viết câu trả lời trong đoạn văn 5- 7 dòng.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi câu trả lời đúng từ câu 1- câu 8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | D | B | A | B | A | D | B | D |   **Câu 9.**  - Phép đối được sử dụng trong hai câu thơ thực là:  *“Giọng khê nồng nặc không ra tiếng,*  *Mắt lại lim dim nhắp đã cay”*  Đối: *giọng khê nồng nặc – đôi mắt lim dim; không ra tiếng – nhắp đã cay.*  *-* Tác dụng của phép đối:  + Nhấn mạnh, làm rõ hơn bộ dạng người học trò không chăm lo học hành mà chỉ giỏi ngủ gật.  + Bộc bộ thái độ không đồng tình, phê phán của nhà thơ đối với những anh học trò thiếu nghiêm túc này - muốn theo đòi chữ nghĩa mà học hành không đến nơi đến chốn.  **Câu 10.**  - HS có thể nêu ra thông điệp: HS cần tập trung trong tiết học, không được ngủ gật trong giờ học.  - Lí giải:  + Ngủ gật khiến con người mất hết vẻ đẹp về hình thức trong mắt những người xung quanh.  + Sẽ bỏ lỡ bài giảng của thầy cô, dẫn đến khó tiếp thu được kiến thức, nhiều lần sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả học tập. |